

HOÀNG THỊ THU HƯƠNG

MODULE MN

44

**GIÁO DỤC HOÀ NHẬP
TRẺ KHUYẾT TẬT TRONG
GIÁO DỤC MẦM NON**



A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Luật Người khuyết tật có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011, theo đó, mọi trẻ khuyết tật có quyền được đi học. Hằng năm, Vụ Giáo dục Mầm non đều có hướng dẫn thực hiện năm học, trong đó có nội dung giáo dục hòa nhập. Cụ thể: huy động trẻ khuyết tật tới trường, thực hiện xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân, tiến hành thực hiện giáo dục hòa nhập và chuyển tiếp lên cấp Tiểu học. Thực hiện giáo dục hòa nhập không chỉ đem lại lợi ích và quyền được đi học của trẻ khuyết tật mà còn đem lại lợi ích cho tất cả trẻ em, bởi giáo viên phải tìm hiểu trẻ sâu sắc, phải áp dụng những phương pháp cá biệt để giúp trẻ tiếp thu những tri thức mới, rèn luyện những kỹ năng xã hội. Điều này tạo cơ hội, điều kiện cho giáo viên trưởng thành hơn về nghiệp vụ sư phạm và vững vàng hơn trong chuyên môn. Giáo dục hòa nhập cũng tạo ra môi trường đầm ấm, rèn luyện tình yêu thương, sẻ chia đối với trẻ em.

Tài liệu này sẽ trang bị cho giáo viên những kiến thức cơ bản về giáo dục hòa nhập đồng thời gợi ý một số yếu tố cơ bản khi tiến hành giáo dục hòa nhập trong trường, lớp mầm non có trẻ khuyết tật theo học.



B. MỤC TIÊU

I. MỤC TIÊU CHUNG

Sau khi học xong module này, người học có khả năng:

- Phân tích được các khái niệm cơ bản của giáo dục hòa nhập;
- Phân tích được các yếu tố của giáo dục hòa nhập trong giáo dục mầm non.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Về kiến thức

- Nêu được các đặc điểm của trẻ thuộc các dạng thông dụng: khuyết tật trí tuệ, khiếm thính, khiếm thị, khuyết tật ngôn ngữ.
- Phân tích được các khái niệm cơ bản của giáo dục hòa nhập, các yếu tố của giáo dục hòa nhập trong giáo dục mầm non.
- Nêu được cách thức tổ chức hoạt động giáo dục hòa nhập trong trường mầm non.

2. Về kĩ năng

- Xác định được trẻ khuyết tật và những khó khăn của trẻ.
- Tổ chức môi trường và các hoạt động giáo dục hòa nhập phù hợp với năng lực của trẻ khuyết tật.

3. Về thái độ

Tích cực tìm hiểu và vận dụng kiến thức kĩ năng vào tổ chức các hoạt động giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật.



C. NỘI DUNG

TT	Nội dung
1	Tìm hiểu trẻ khuyết tật, các dấu hiệu nhận diện khuyết tật ở trẻ em.
2	Giáo dục hòa nhập trong giáo dục mầm non.
3	Tổ chức hoạt động giáo dục hòa nhập trong trường mầm non.

Nội dung 1

TÌM HIỂU TRẺ KHUYẾT TẬT, CÁC DẤU HIỆU NHẬN BIẾT TRẺ KHUYẾT TẬT

Hoạt động. Tìm hiểu khái niệm trẻ khuyết tật, các biểu hiện khuyết tật ở trẻ em

1. Câu hỏi

Câu 1. Thế nào là trẻ khuyết tật?

Câu 2. Trình bày các dạng khuyết tật thường gặp ở trẻ em. Trình bày các dấu hiệu biểu hiện khuyết tật ở trẻ em.

2. Thông tin phản hồi

- * Câu 1: Khái niệm về trẻ khuyết tật:
 - Trẻ khuyết tật là trẻ bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật, khiến cho các hoạt động và sinh hoạt hằng ngày gặp khó khăn.

- Trẻ khuyết tật được chia theo mức độ khuyết tật sau đây:
 - + Khuyết tật đặc biệt nặng, là trẻ do khuyết tật dẫn đến không thể tự thực hiện việc phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày;
 - + Khuyết tật nặng, là trẻ do khuyết tật dẫn đến không thể tự thực hiện một số việc phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày;
 - + Khuyết tật nhẹ, là trẻ khuyết tật không thuộc hai trường hợp trên.
- Theo phân loại của Tổ chức Y tế Thế giới, có ba mức độ suy giảm là: khiếm khuyết, khuyết tật và tàn tật:
 - + Khiếm khuyết chỉ đến sự mất mát hoặc không bình thường của cấu trúc cơ thể liên quan đến tâm lý hoặc/và sinh lý.
 - + Khuyết tật chỉ đến sự giảm thiểu chức năng hoạt động, là hậu quả của sự khiếm khuyết.
 - + Tàn tật đề cập đến tình thế bất lợi hoặc thiệt thòi của người mang khiếm khuyết do tác động của môi trường xung quanh lên tình trạng khuyết tật của họ (WHO, 1999).
- Theo quan điểm của Tổ chức Quốc tế người khuyết tật, người khuyết tật trở thành *tàn tật* là do *thiếu cơ hội* để tham gia các hoạt động xã hội và có một cuộc sống giống như thành viên khác (DPI, 1982). Do vậy, khuyết tật là một hiện tượng phức tạp, phản ánh sự tương tác giữa các tính năng cơ thể và các tính năng xã hội mà trong đó người khuyết tật sống.
- * Câu 2: Các dạng khuyết tật thường gặp ở trẻ em và dấu hiệu để nhận diện.

Trẻ khuyết tật thường được phân thành các nhóm sau: trẻ khiếm thính, trẻ khiếm thị, trẻ chậm phát triển trí tuệ hay trẻ khó khăn về học, trẻ khuyết tật vận động hay trẻ khó khăn về vận động, trẻ khó khăn về ngôn ngữ, trẻ đa tật (trẻ có hai hoặc nhiều khuyết tật) và trẻ có các dạng khuyết tật khác. Sau đây chỉ đề cập 6 dạng khuyết tật ở trẻ mầm non.

- Trẻ khiếm thính:
 - + Khái niệm: Trẻ khiếm thính là trẻ bị khó khăn về nghe, bị suy giảm hay mất khả năng nghe dẫn đến chậm phát triển ngôn ngữ, hạn chế chức năng giao tiếp, trường hợp nặng hơn trẻ không nói được.
 - + Dấu hiệu nhận diện:
 - Trẻ không hướng về nơi có phát ra tiếng động.
 - Trẻ không trả lời khi người khác gọi.

- Trẻ thường chú ý nhìn môi của người khác khi nghe hoặc khi học nói: trẻ nói rất to hoặc không nói được (câm).
- + Các biểu hiện theo mốc thời gian để có thể xác định trẻ bị khiếm thính như sau:

Tháng tuổi của trẻ	Dấu hiệu nhận biết
Sau khi sinh đến 3 tháng	<ul style="list-style-type: none"> – Không bị giật mình hay tỉnh giấc khi có tiếng động to gần trẻ. – Không biết hồng chuyện và âu ơ bất chước, không phản ứng với tiếng xúc xắc lắc di chuyển.
3 – 6 tháng	<ul style="list-style-type: none"> – Không quay đầu tìm nguồn phát ra tiếng nói của người xung quanh. – Không quay đầu khi được gọi tên.
9 – 12 tháng	<ul style="list-style-type: none"> – Chỉ “nghe” một người mà không biết nghe những người khác. – Tách mình ra khỏi cuộc sống, không nghe và không biết làm theo bạn và người khác.
18 – 24 tháng	<ul style="list-style-type: none"> – Ít nói hoặc chậm biết nói. – Không hiểu ngôn ngữ lời nói và không làm theo được 2 yêu cầu của cha mẹ và người thân, cô giáo...
30 – 48 tháng	<ul style="list-style-type: none"> – Không nghe và hiểu được lời nói, không nhắc lại chuyện kể ngắn. – Nói thầm cách xa 0,5m không để trẻ nhìn miệng, trẻ không nhắc lại được các từ đã nói thầm.
60 tháng	<ul style="list-style-type: none"> – Không hiểu các câu chuyện trong gia đình; nghe được rất ít, phải nhắc đi nhắc lại trẻ mới nghe thấy, thường nhìn miệng mới nhận ra được lời nói. – Khó khăn trong giao tiếp, không thể diễn đạt được câu và mẫu chuyện phù hợp với ngữ cảnh; hoặc có thể nói to, lạc lõng...

- Trẻ khiếm thị:
- + Khái niệm:
 - Trẻ khiếm thị là trẻ có khuyết tật thị giác, sau khi đã có các phương tiện trợ giúp tối đa vẫn gặp nhiều khó khăn trong các hoạt động cần sử dụng mắt.

- Trẻ khiếm thị bị suy giảm khả năng nhìn (nhìn kém) hoặc mất khả năng nhìn (mù).
- + Dấu hiệu nhận diện:
 - Trẻ bé không quay đầu nhìn theo đồ vật, không vói tay theo đồ vật, mắt không bình thường (có thể mù).
 - Trẻ không có khả năng tìm các vật nhỏ, mặc dù những vật này trẻ được nhìn thấy nhiều lần.
 - Trẻ thường va chạm các đồ vật khi phải đi vòng quanh chúng, ôm đầu khi cố tìm hoặc nhìn vật gì đó.
 - Trẻ đi lại phải lần sờ và hay va chạm vào đồ vật xung quanh, tìm kiếm đồ chơi, đồ vật khô khăn.
 - Trẻ không có sự tiếp xúc bằng mắt, mắt nhìn lơ đãng.
 - Trẻ phải điều chỉnh, nghiêng đầu, xoay cổ hoặc cố định một bên mặt để nhìn bằng mắt còn lại.
 - Trẻ vói tay không chính xác khi vói lấy các đồ vật.
 - Hai mắt chuyển động không đồng đều hay một mắt di chuyển.
 - Mắt chuyển động ngang hay thẳng đứng quá nhanh (rung giật nhãn cầu).
 - Không có đồng tử mắt trong veo, đen (giác mạc bị mờ, con ngươi trắng, hai mắt có tròng đỏ nhiều, hiện tượng phản sáng khi chụp ảnh có đèn flash).
 - Thường xuyên ướt nước mắt khi trẻ không khóc do tắc lệ đạo.
 - Có phản ứng không thoải mái với ánh sáng mạnh (chứng sợ sáng).
 - Kết mạc của mắt thường xuyên bị đỏ.
 - Hình dáng, cỡ và cấu tạo mắt bất thường rõ rệt.
 - Trẻ bị khuyết tật thị giác ít nhiều cũng sẽ có ảnh hưởng đến tư duy bị chậm do thiếu các hình mẫu giúp trẻ tư duy trực quan trong quá trình hình thành các khái niệm.
- Nếu được phát hiện và khắc phục sớm các biểu hiện của tật khiếm thị chúng ta sẽ giúp trẻ tránh được chậm phát triển tư duy rất nhiều.
- Trẻ khuyết tật trí tuệ:
 - + Khái niệm: Trẻ khuyết tật trí tuệ là trẻ có những hạn chế lớn về khả năng thực hiện các chức năng. Đặc điểm của tật là:
 - Hoạt động trí tuệ dưới mức trung bình.

- Hạn chế về hai hoặc nhiều hơn những lĩnh vực hành vi thích ứng như: giao tiếp, tự phục vụ, sống tại gia đình, xã hội, sử dụng các tiện ích công cộng, tự định hướng, kĩ năng học tập, giải trí, lao động, sức khoẻ và an toàn.
- Xuất hiện tật trước 18 tuổi.
- + Dấu hiệu nhận biết:
 - Trẻ 1 tuổi không biết tên mình.
 - Trẻ 3 tuổi không nhận ra hoặc chỉ các bộ phận của mặt và cơ thể.
 - Trẻ 4 tuổi không hiểu được những câu đơn giản.
 - Trẻ 5 tuổi không nghe hiểu những câu chuyện đơn giản.
 - Trẻ hiểu biết khó khăn hơn so với trẻ cùng độ tuổi...
 - Có hình thể không cân đối, ánh mắt và nét mặt khờ dại...
 - Chậm biết ngẩng đầu và cử động tay chân, mặt tròn mắt xếch, vân tay chữ nhất nằm ngang, lưỡi dày, lưỡi đùn (hội chứng Down do rối loạn nhiễm sắc thể của gen).
 - Phản ứng chậm với kích thích bên ngoài.
 - Khả năng phối hợp tay – mắt kém.
 - Tránh giao tiếp bằng mắt.
 - Tiếp thu chậm lại mau quên (nhớ chậm quên nhanh).
 - Giao tiếp bằng ngôn ngữ nói: chậm hoặc hoàn toàn không có, trẻ nào nói được thì chỉ sử dụng ở mức độ hết sức hạn chế, nói không rõ, không thích hợp.
 - Biểu hiện cảm xúc/tình cảm phức tạp.
 - Tự thu mình lại, nói rất ít, tách biệt khỏi bạn bè, không thích tham gia vào các hoạt động tập thể, luôn luôn sợ thất bại, tâm trạng rất phức tạp...
 - Chống đối gây sự chú ý của người khác, khó kiểm chế phản ứng, không thể tuân theo quy tắc chơi/học tập, quấy rối trong lớp học, dễ bị sao nhãng bởi kích thích bên ngoài, tự làm tổn thương bản thân, gây đau đớn cho người khác, hành vi rập khuôn máy móc...

Khi thấy trẻ có các biểu hiện trên cần đưa trẻ đi khám để được tư vấn và can thiệp sớm.

- Trẻ khuyết tật vận động:
- + Khái niệm: Trẻ khuyết tật vận động là trẻ khó khăn về vận động. Đó là những trẻ bị tổn thương các cơ quan vận động tay, chân, hoặc cột sống... gây khó khăn về cầm nắm, nằm, ngồi, đi, đứng và di chuyển.
- + Dấu hiệu nhận diện:
 - Trẻ 10 tháng tuổi không tự ngồi một mình, trẻ 2 tuổi không có khả năng tự đi một mình, trẻ 4 tuổi không có khả năng tự cân bằng trên 1 chân trong một thời gian ngắn, trẻ vận động khó khăn hơn so với trẻ cùng tuổi.
 - Dựa vào các mốc phát triển vận động của trẻ, có thể phát hiện sớm trẻ khuyết tật vận động nếu trẻ có những biểu hiện như sau:

Tháng tuổi của trẻ	Dấu hiệu nhận biết
1 tháng	Đặt nằm ngửa mà trẻ không có cử động chân, không co đạp, nâng chân, đưa chân lên trên.
2 tháng	Không thể ngẩng, cất đầu khi đặt nằm sấp.
3 tháng	Không giữ đầu tự ngẩng khi bé ngồi.
4 tháng	Không thể ngồi thẳng khi được đặt tựa lưng và đầu ngẩng thẳng.
5 tháng	Không biết đập mạnh tay, chân trong bồn nước khi tắm.
6 tháng	Không đưa tay vói ra trước, đặt nằm trẻ không tự lật ngược.
7 tháng	Không biết ngồi, đứng một lúc khi không có người đỡ, đứng trên hai chân không vững khi được đỡ.
8 tháng	Không thể bước đi khi được giữ ở tư thế đứng.
10 tháng	Không thể tựa vào bàn ghế để bước đi với sự giúp đỡ của người lớn.
12 tháng	Không thể tự đứng một mình và bò bằng hai tay, hai chân.
13 tháng	Không tự mình đứng lên và đi vài bước xiêu vẹo.
15 tháng	Không thể tự mình đi xiêu vẹo vài bước và trèo cầu thang.
18 tháng	Không thể tự đi một cách vững vàng, ném được bóng, cúi nhặt bóng mà không ngã.

Tháng tuổi của trẻ	Dấu hiệu nhận biết
21 tháng	Không thể tự trèo lên ghế, không thể bước lên cầu thang.
24 tháng	Không thể tự lên xuống cầu thang từng bậc bằng hai chân và chạy vững.
33 tháng	Không thể tự nhảy chụm chân, đi nhón trên đầu bàn chân.
48 tháng	Không thể chạy theo và dùng chân đá bóng, chạy trên đầu ngón chân và trèo lên xe ba bánh.
54 tháng	Không tự lên xuống cầu thang bằng hai chân đối nhau ở mỗi bậc.
60 tháng	Không thể đập nảy bóng, nhảy lò cò, lên xuống cầu thang dễ dàng.

Khi thấy trẻ có những dấu hiệu như trên, giáo viên và gia đình cần cho trẻ đi khám và can thiệp sớm cho trẻ.

– Trẻ khuyết tật ngôn ngữ:

+ Khái niệm:

Trẻ khuyết tật ngôn ngữ là trẻ bị tổn thương cơ quan tiếp nhận, chỉ huy ngôn ngữ và các bộ phận của cơ quan phát âm làm cho trẻ nói khó khăn hoặc mất khả năng nói (câm).

+ Dấu hiệu nhận biết:

- Không quay đầu theo âm thanh.
- Không mỉm cười với người khác lúc 3 tháng tuổi.
- Không bập bẹ lúc 9 tháng tuổi.
- Không chỉ ngón tay đồ vật mà trẻ quan tâm lúc 12 tháng tuổi.
- Không nói được từ đơn lúc 16 tháng.
- Trẻ 18 tháng không nói được tiếng mẹ.
- Trẻ 2 tuổi không gọi được tên người thân cha mẹ anh em.
- Trẻ 3 tuổi không nhắc lại được câu đơn giản.
- Trẻ 4 tuổi không nói được câu đủ nghĩa.
- Trẻ 5 tuổi không tiếp xúc và nói chuyện được với người ngoài gia đình.

Dựa vào các mốc phát triển ngôn ngữ theo độ tuổi hoặc khi trẻ có các dấu hiệu sau đây để phát hiện sớm trẻ khuyết tật ngôn ngữ:

Tháng tuổi của trẻ	Biểu hiện
0 – 1 tháng	Giật mình với tiếng động, biết lắng nghe giọng nói của người chăm sóc.
2 – 3 tháng	Phát ra tiếng gừ gừ, vài âm thanh kiểu nguyên âm, đáp trả giọng nói và bập bẹ.
4 – 6 tháng	Bập bẹ thành tràng, bắt chước vài âm thanh, nhiều kiểu lên giọng và nói to.
7 – 9 tháng	Hiểu một vài từ và yêu cầu đơn giản, bắt chước vài âm thanh có thể nói “ma ma” “ba ba”.
10 – 12 tháng	Hiểu ý nghĩa của “không”, đáp trả vài yêu cầu, quay lại khi được gọi tên, nói được vài từ đơn.
13 – 15 tháng	Nói được 5 – 10 từ, chủ yếu là danh từ, chỉ đúng người và vật khi được yêu cầu.
16 – 18 tháng	Làm theo vài mệnh lệnh đơn giản, nói câu 2 từ, ví dụ: “Đi chơi”. Biết trả lời “Mẹ đâu?” (chỉ vào Mẹ). “Áo đẹp của ai?” (“Của con”).
24 – 30 tháng	Trả lời vài câu hỏi “có”, “không” (ví dụ: “Con có ăn nữa không?” – “Không”). Gọi tên những đồ vật quen thuộc hằng ngày, nói những câu chưa hoàn chỉnh.
36 – 48 tháng	Nói câu 3 – 4 từ, đặt vài dạng câu hỏi, dùng thể phủ định không thể và không làm được, hiểu từ tại sao? Ai? Và bao nhiêu? Ví dụ: Trả lời câu hỏi “Ba con đâu?” (Ba đi làm). Hỏi: “Mẹ làm gì đó?”.
48 – 60 tháng	Nói câu hoàn chỉnh, bắt đầu kể chuyện dài hơn. Ví dụ: Ở trường, con chơi xích đu với bạn. Hôm nay, con được ăn bánh sinh nhật bạn Lan!

- Trẻ tự kỷ:
- + Khái niệm: Tự kỷ là một hội chứng rối loạn phát triển chung và các hành vi, biểu hiện trước 30 tháng tuổi với những nét chủ yếu sau:
 - Rối loạn tốc độ và trình tự phát triển.

- Rối loạn đáp ứng với các kích thích giác quan.
- Rối loạn lời nói, ngôn ngữ và giao tiếp phi ngôn ngữ.
- Rối loạn khả năng quan hệ với con người, sự vật và sự kiện.

Có thể nói tự kỉ là khuyết tật phức tạp về phát triển, ảnh hưởng đến nhiều khả năng như nhận thức, sử dụng ngôn ngữ giao tiếp, biểu lộ tình cảm...

Những biểu hiện của tự kỉ có thể thấy trong ba năm đầu đời, thậm chí có những dấu hiệu có thể xuất hiện từ rất sớm, ngay từ khi trẻ được vài tháng. Các triệu chứng tinh tế của bệnh tự kỉ xuất hiện khi trẻ còn rất nhỏ dễ làm cha mẹ bỏ qua, hoặc không nhận ra vì trẻ tự kỉ thường có diện mạo bình thường.

Ở những cá nhân khác nhau, những biểu hiện bệnh cũng khác nhau về hình thái và mức độ.

+ Dấu hiệu nhận biết:

- Không có giao tiếp bằng mắt, không biết chơi cùng bạn, chỉ thích chơi một mình.
- Thích những màu sắc đặc trưng hoặc trẻ không nói, không biểu lộ và đáp ứng tình cảm khi có sự kích thích: vui buồn hay khi không đồng ý.
- Có những biểu hiện tình cảm bất thường, lúc cười lúc khóc không có nguyên nhân, đứng ngồi không yên, thích đánh đấm người khác và bản thân, thích la hét, chạy nhảy...
- Có khiếm khuyết về mặt quan hệ xã hội như: tránh tiếp xúc và ít biểu lộ sự lưu tâm đến giọng nói của người khác; không thay đổi tư thế hoặc không giao tay khi sắp được bóng bế như trẻ bình thường; biểu hiện cảm xúc thường thờ ơ, vẻ mặt không diễn cảm.

Hầu hết trẻ tự kỉ không sợ người lạ, không lo âu khi phải xa bố mẹ; không chơi chung với trẻ cùng tuổi và chủ động tránh những trẻ này.

Lúc nhỏ, trẻ có thể tránh tiếp xúc bằng mắt, nhưng có thể chấp nhận nếu được vuốt ve và đặt ngồi trong lòng mẹ. Tuy nhiên, trẻ thường không phát triển hành vi gắn bó, không “theo đuôi” bố mẹ trong nhà như những trẻ bình thường khác. Khi lớn lên, trẻ có thể phát triển khả năng gắn bó với cha mẹ và những người lớn khác. Một số trẻ có thể chơi chung với bạn hoặc tham gia một số trò chơi vận động thể lực. Tuy nhiên, trẻ vẫn khiếm khuyết về mặt xã hội. Trẻ thường ít quan tâm đến trò chơi nhóm và không thiết lập được quan hệ với bạn cùng tuổi. Ở trẻ

tự kỉ có trí tuệ khá, dấu hiệu khiếm khuyết quan hệ xã hội có thể không rõ rệt cho đến năm 2 tuổi.

- Gặp vấn đề trong giao tiếp ngôn ngữ:

Khiếm khuyết giao tiếp phi ngôn ngữ:

Lúc nhỏ, trẻ tự kỉ thường biểu lộ nhu cầu qua tiếng khóc. Lớn lên, trẻ biểu lộ ý muốn bằng cách kéo tay người lớn đến vật mong muốn, trẻ thường không diễn cảm qua nét mặt. Tuy nhiên, trẻ không biết chỉ tay, không biết gật đầu, lắc đầu; không tham gia các trò chơi bắt chước, không có khả năng bắt chước làm theo những việc làm của bố mẹ như những trẻ bình thường vẫn làm. Đặc biệt, trẻ không hiểu được ý nghĩa của những cử chỉ, điệu bộ của người lớn. Đôi khi trẻ có thể sử dụng và có khi hiểu được cử chỉ điệu bộ của người lớn hoặc có thể chơi bắt chước, nhưng cách chơi thường vẫn có tính rập khuôn và lặp đi lặp lại.

Nói chung, trẻ tự kỉ vẫn có thể biểu lộ cảm xúc vui, sợ, giận dữ... nhưng cách thể hiện có khuynh hướng cực đoan, nét mặt thường không diễn tả ý nghĩa. Một số trẻ hầu như thể hiện nét mặt vô cảm.

Không hiểu lời nói: Biểu hiện này có thể diễn biến từ nhẹ đến mức độ chẳng bao giờ hiểu được lời nói. Ở mức độ nhẹ, trẻ có thể tuân theo những chỉ dẫn đơn giản, nếu chỉ dẫn được đưa ra đúng bối cảnh tức thời, hoặc có kèm theo những cử chỉ, điệu bộ minh họa tương ứng.

Trẻ bị khiếm khuyết khả năng hiểu những ý nghĩa trừu tượng và tinh tế. Tính hài hước và diễn đạt thành ngữ cũng bị nhầm lẫn ngay cả ở những trẻ tự kỉ thông minh nhất.

Khiếm khuyết về phát triển lời nói:

Nhiều trẻ tự kỉ ít bập bẹ trong năm đầu tiên. Nhiều trẻ gần như câm nín cho đến 5 tuổi. Khoảng 1/2 trẻ tự kỉ sẽ bị câm nín suốt đời. Nếu trẻ phát triển lời nói, thường lời nói cũng sẽ có bất thường. Nhiều trẻ nói vô nghĩa, nói vẹt. Trẻ có thể nhại lại lời nói của người khác một cách chính xác, nhưng thường ít hoặc chẳng hiểu được ý nghĩa của chúng. Một số trẻ có thể nhại lời nhưng câu cú bị méo mó và rời rạc.

Trong giai đoạn đầu của sự phát triển ngôn ngữ, trẻ có thể có hiện tượng hoán đổi đại từ nhân xưng. Giọng nói có thể giống robot, đặc trưng bởi sự đơn điệu, phẳng lặng, không thay đổi, ít nhấn giọng và không diễn cảm.

Một số trẻ nói với mục đích “tự kích thích”, lời nói có tính chất lặp đi, lặp lại, không liên quan đến những việc thực sự đang diễn ra xung quanh.

Trẻ nhỏ có thể gặp các vấn đề về phát âm, khi lớn lên tình trạng này có thể giảm. Đối lập với khả năng nhại lời chính xác, những lời nói tự nhiên của trẻ lại có nội dung rất nghèo nàn, vốn từ ít ỏi; có thể dùng kiểu nói như đang hát, kéo dài một số âm hoặc từ nào đó trong câu. Câu nói thường được kết thúc kiểu câu hỏi (lên giọng ở cuối câu); cấu trúc ngữ pháp bất thường, không thành thực, thường gặp trong lời nói tự nhiên của trẻ; có thể đặt tên riêng cho đồ vật theo cách của mình, hoặc dùng những từ riêng mà người khác không thể hiểu được; không biết sử dụng hoặc sử dụng không đúng các giới từ, liên từ và đại từ; có khuynh hướng không sử dụng lời nói để giao tiếp; thường nói rập khuôn, lặp đi lặp lại; không biết dùng lời nói để diễn tả ý trừu tượng; không biết nói về chuyện quá khứ, chuyện tương lai hoặc chuyện không xảy ra trước mắt.

Tiến bộ hơn, một số trẻ tự kỷ có thể nói về điều trẻ quan tâm, nhưng một khi người lớn đáp ứng và bắt đầu nói chuyện với trẻ thì trẻ lại bỏ dở và rút khỏi cuộc nói chuyện ấy. Nói chung, trẻ vẫn thiếu khả năng tương tác qua lại.

- **Hành vi bất thường:**

Chống lại sự thay đổi: Trẻ tự kỷ thường khó chịu trước những thay đổi trong môi trường sống quen thuộc của chúng. Một sự thay đổi nhỏ trong thông lệ thường ngày có thể làm trẻ nổi giận. Nhiều trẻ hay xếp đồ chơi và vật dụng thành hàng dài và rất khó chịu nếu như trật tự này bị thay đổi. Hiện tượng này gặp ở trẻ tự kỷ có chậm phát triển trí tuệ nhiều hơn gấp hai lần so với trẻ tự kỷ có trí thông minh bình thường. Hầu hết trẻ tự kỷ đều chống lại việc học và thực hành một hoạt động mới.

Hành vi mang tính nghi thức, thúc ép: Các hành vi mang tính nghi thức, thúc ép ở trẻ tự kỷ thường liên quan đến những thông lệ cứng nhắc như: từ chối ăn một loại thức ăn nào đó; hoặc những hành vi có tính rập khuôn, lặp đi lặp lại (Ví dụ: vung vẩy hai cánh tay, hoặc đưa bàn tay lên gần mặt rồi xoắn vặn hoặc bật bật các ngón tay...). Khi lớn lên, trẻ có thể có các hành vi mang tính ám ảnh, chẳng hạn hỏi đi hỏi lại cùng một câu hỏi, hay sờ đụng vào một số đồ vật nào đó...

Các hành vi mang tính nghi thức, thúc ép thường xảy ra ở bệnh nhân tự kỷ không bị chậm phát triển trí tuệ hơn là bệnh nhân có trí tuệ kém.

- **Những sự gắn bó bất thường:**
 Nhiều trẻ tự kỷ có sự gắn bó mạnh mẽ với những đồ vật khác thường, ví dụ một đồ chơi nào đó như quả bóng (trái banh) chẳng hạn.
 Trẻ có thể luôn mang theo một đồ vật nào đó bên mình và nếu có ai đó lấy vật này đi thì trẻ sẽ giận dữ, phản kháng lại ngay. Nếu vật này vẫn không được trả lại, trẻ thường sẽ quay sang tìm kiếm một món đồ khác để thay thế.
- **Các đáp ứng không bình thường với những trải nghiệm giác quan:**
 Trẻ có thể bị mê hoặc bởi các bóng đèn, các hoa văn, những vật có chuyển động xoay tròn, hoặc một thứ âm thanh nào đó.
 Trẻ thao tác trên đồ vật, đồ chơi không theo các cơ năng thông thường của môn đồ đó, mà như để thỏa mãn sự kích thích của các giác quan.
 Trẻ có thể kiên trì làm đi làm lại các thao tác xếp đồ vật thành hình dài, xếp chồng đồ vật lên nhau hoặc xoay một món đồ để nó xoay tròn.
 Trẻ cũng có thể làm đi làm lại những việc như dội nước bồn cầu hoặc liên tục tắt mở các bóng đèn.
 Tuy tránh né các tiếp xúc cơ thể, nhưng một số trẻ tự kỷ rất thích các trò chơi mạnh bạo, ví dụ: tung hứng, cù lét, đánh đu, “bay tàu bay”...
- **Rối loạn về vận động:**
 Các mốc chuyển tiếp trong quá trình phát triển vận động của trẻ tự kỷ có thể bị chậm trễ hơn các trẻ bình thường. Các trẻ em này thường gặp khó khăn trong việc bắt chước các động tác. Nhiều trẻ rất hiếu động, nhưng sẽ giảm bớt khi đến tuổi thiếu niên.
 Trẻ hay nhăn nhó, vỗ đập cánh tay, xoắn vặn bàn tay, đi nhón gót, chạy chúi đầu về phía trước, nhảy, đi đều bước, lắc lư hoặc đu đưa thân mình, xoay đầu hoặc đập đầu xuống đất, vào tường.
 Một số trẻ có trạng thái căng cơ khi phấn khích hoặc khi quá chăm chú.
- **Các khiếm khuyết về trí tuệ và nhận thức:**
 Hầu hết trẻ tự kỷ đều có chậm phát triển trí tuệ. Khoảng 40 – 60% có IQ = 70. Do đa số trẻ tự kỷ khó làm các test trí tuệ (nhất là các test dùng lời nói) nên các kết quả IQ vẫn còn bàn cãi.
 Trẻ tự kỷ có IQ thấp thường kèm theo các khiếm khuyết nặng về kỹ năng quan hệ xã hội và có nhiều đáp ứng xã hội lệch lạc. Chẳng hạn trẻ hay sờ

mó hoặc ngửi đồ vật và người khác, có những hành vi định hình và tự gây thương tích bản thân.

Khoảng 1/3 trẻ tự kỷ có chậm phát triển trí tuệ sẽ bị động kinh, còn trẻ tự kỷ có trí tuệ khá thì tỉ lệ này thấp hơn. Vì vậy, những bài trắc nghiệm IQ cũng phần nào có ý nghĩa tiên lượng mà thôi.

Khác với những trẻ chậm phát triển tâm thần, tình trạng chậm phát triển của trẻ tự kỷ vẫn còn chừa lại những "khoảng" trí tuệ bình thường hoặc gần như bình thường (thể hiện trong phần thao tác của các test trí tuệ).

Về nhận thức, trẻ tự kỷ không thể bắt chước, không hiểu ý nghĩa của lời nói, cú chỉ và điệu bộ, thiếu hẳn tính uyển chuyển, sáng tạo, không thể hiểu biết về luật lệ, không thể xử lý hoặc sử dụng các thông tin.

- Các rối loạn khác:

Ở trẻ tự kỷ, những biểu hiện cảm xúc nhiều khi diễn ra rất trái ngược: có khi khí sắc phẳng lặng, có lúc cảm xúc lại quá mức hoặc không phù hợp. Trẻ có thể mau thay đổi, khóc cười vô cớ hoặc la hét khó kiểm soát.

Trẻ cũng có thể leo trèo, chạy nhảy không sợ nguy hiểm, nhưng lại có thể sợ những sự vật hoặc tình huống mà bình thường là vô hại, ví dụ sợ các thú nuôi (chó, mèo...) hoặc sợ đến một nơi chốn nào đó.

Trẻ có những thói quen kì dị: nhổ tóc, cắn móng tay, cườm tay, cổ tay hoặc các phần khác của cơ thể. Các thói quen này thường gặp ở trẻ tự kỷ chậm phát triển, tự xoay người vòng vòng mà không bị chóng mặt.

Tình trạng động kinh xảy ra ở 1/4 đến 1/3 trường hợp. Thường cơn đầu tiên xảy ra ở tuổi thiếu niên.

- Một số hành vi có thể quan sát được trong thói quen của trẻ bị tự kỷ là:

Trẻ suốt ngày chỉ xem ti vi.

Trẻ chỉ thích chơi một mình, một loại đồ chơi.

Trẻ suốt ngày chỉ xem chương trình quảng cáo trên ti vi mà không quan tâm điều gì khác.

Trẻ hay soi mói một đồ vật nào đó như một nhà nghiên cứu khoa học, dù trẻ đó mới được 3 tuổi.

Trẻ tỏ ra không có tình cảm với mẹ và những người thân khác. Ví dụ như mẹ gọi mà trẻ không quay lại.

- Trẻ không bao giờ chia sẻ buồn vui với bố mẹ và người thân, tay lúc nào cũng "vân vê" một cách vô thức...

Bệnh tự kỷ cũng có thể xuất hiện ngay từ khi trẻ mới chào đời. Với những trường hợp này, trẻ không khóc, mắt mở nhìn vô thức, mắt không biểu hiện tình cảm khi mẹ bế... Tất cả những hiện tượng trên là dấu hiệu của trẻ mắc "hội chứng tự kỷ".

ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG 1

1. Phân biệt các dạng khuyết tật ở trẻ em.
2. Phân tích những điểm mạnh, khó khăn của trẻ khuyết tật trong các lĩnh vực phát triển.

Nội dung 2

GIÁO DỤC HÒA NHẬP TRẺ KHUYẾT TẬT TRONG GIÁO DỤC MẦM NON

Hoạt động 1. Tìm hiểu khái niệm giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật

1. Câu hỏi

Thế nào là giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật? Phân biệt giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật với giáo dục chuyên biệt và giáo dục bán hoà nhập.

2. Thông tin phản hồi

- * *Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật là phương thức giáo dục chung trẻ khuyết tật với trẻ không khuyết tật trong cơ sở giáo dục. Ở đó, trẻ khuyết tật được giáo dục trong cùng một môi trường với trẻ em không khuyết tật, hòa nhập trẻ khuyết tật và bình thường trong cùng một lớp học.*

Hòa nhập không chỉ đơn giản là đưa trẻ khuyết tật vào trong một chương trình giáo dục chung với trẻ bình thường. Trong hoạt động giáo dục hòa nhập, giáo viên cùng một lúc phải giải quyết hai nhiệm vụ: giáo dục trẻ khuyết tật và giáo dục trẻ không khuyết tật.

Nếu trẻ bị khuyết tật nhẹ sẽ được giáo dục theo chương trình giáo dục chung như mọi trẻ em bình thường khác và được hướng dẫn, hỗ trợ thêm theo nhu cầu cá nhân trẻ.

Trong nhiều trường hợp, trẻ khuyết tật cần được giáo dục theo chương trình riêng trong kế hoạch giáo dục cá nhân trẻ. Các mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục trong giáo dục hòa nhập được điều chỉnh cho phù hợp với khả năng và nhu cầu của trẻ khuyết tật.

Giáo viên, nhóm bạn bè và gia đình là những người hỗ trợ giúp trẻ hoàn thành kế hoạch giáo dục cá nhân.

Lưu ý: Việc đánh giá trẻ khuyết tật dựa vào kế hoạch giáo dục cá nhân và sự tiến bộ của trẻ, giáo viên không nên ngần ngại khi lớp có trẻ khuyết tật học ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục.

- * Chúng ta cần phân biệt khái niệm giáo dục hòa nhập với các khái niệm giáo dục chuyên biệt và giáo dục bán hòa nhập:
 - *Giáo dục chuyên biệt* là phương thức giáo dục dành riêng cho trẻ khuyết tật trong cơ sở giáo dục.
 - *Giáo dục bán hòa nhập* là phương thức giáo dục kết hợp giữa giáo dục hòa nhập và giáo dục chuyên biệt cho trẻ khuyết tật trong cơ sở giáo dục.

Hoạt động 2. Tìm hiểu phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật

1. Câu hỏi

Hãy nêu căn cứ lựa chọn và những phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục hòa nhập.

2. Thông tin phản hồi

a. Căn cứ để lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức

- * Dựa vào nhu cầu và khả năng của trẻ khuyết tật:

Đây là một việc làm bắt buộc trong giáo dục hòa nhập, từ tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ chúng ta mới có thể xây dựng được kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ và các hoạt động hỗ trợ.
- Nhu cầu của trẻ khuyết tật: Trẻ khuyết tật cũng có những nhu cầu cơ bản như mọi trẻ em bình thường, ngoài ra trẻ khuyết tật còn có những nhu cầu riêng theo từng loại tật và rất cần sự giúp đỡ, hỗ trợ từ lớp hòa nhập cũng như cộng đồng.

Nhu cầu của trẻ bình thường	Nhu cầu của trẻ khuyết tật cần được đáp ứng
1. Nhu cầu về thể chất: thức ăn, nơi ở, nước, quần áo đủ ấm	Trẻ bị hở hàm ếch hoặc bại não thường gặp khó khăn khi nuốt thức ăn: cần được giúp đỡ đặc biệt trong nuôi dưỡng ăn uống.

Nhu cầu của trẻ bình thường	Nhu cầu của trẻ khuyết tật cần được đáp ứng
2. Sự an toàn về thân thể cũng như về tinh thần, tình cảm	Trẻ bị bại não, liệt cứng có thể lên cơn co cứng cơ, cần có nhu cầu chăm sóc đặc biệt; trẻ khiếm thính cần phát hiện sớm để được hỗ trợ máy nghe...
3. Sự thương yêu gần bó gia đình, bạn bè... cộng đồng	Trẻ khuyết tật có nhu cầu cần được gia đình, họ hàng và những người xung quanh thương yêu, bạn bè giúp đỡ, cảm thông, chia sẻ...
4. Lòng tự trọng; những điều đạt được trong học tập, sự nhận thức, tôn trọng	Trẻ khuyết tật cũng có nhu cầu được tôn trọng, được tham gia vào cuộc sống chung của gia đình và xã hội, được học tập hòa nhập, được phát huy hết những khả năng vốn có của mình và mong muốn được mọi người công nhận
5. Quá trình phát triển cá nhân, sự hoàn thiện, tính sáng tạo	Trẻ khuyết tật cần được đi học vì nhà trường là môi trường giáo dục hòa nhập tốt nhất để trẻ có thể phát triển. Một số trẻ khuyết tật có thể cần những thiết bị hay phương tiện di chuyển đặc biệt để có thể đến trường.

- Khả năng của trẻ khuyết tật:
 - + Khả năng của trẻ khuyết tật là những đặc điểm cá nhân đáp ứng được các đòi hỏi của một hoạt động nhất định nào đó và là điều kiện để thực hiện có kết quả hoạt động nào đó. Bất cứ hoạt động nào cũng đòi hỏi ở con người một loại khả năng và các khả năng đó liên quan với nhau.
 - + Các đặc điểm về khả năng bù trừ của trẻ khuyết tật:
 - Sự nhạy cảm thính giác của trẻ mù.
 - Sự nhạy cảm thị giác của trẻ điếc.
 - Sự khéo léo đôi chân của trẻ liệt chi trên hoặc ngược lại.
- Do vậy, giáo viên cần tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ khuyết tật được tham gia các hoạt động chung. Qua đó, trẻ sẽ thỏa mãn các nhu cầu khác nhau và phát triển các khả năng.
- * Dựa vào điều kiện thực tế về cơ sở vật chất, trang thiết bị và đồ dùng, đồ chơi và không gian chơi của lớp, trường.

b. Phương pháp và hình thức tổ chức

- Xây dựng kế hoạch giáo dục (chương trình giáo dục) chung cho cả lớp, đồng thời xây dựng chương trình giáo dục riêng (kế hoạch giáo dục cá nhân) cho từng trẻ khuyết tật. Mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục trẻ khuyết tật tùy thuộc vào mức độ khuyết tật.
- Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng, trang thiết bị chung cho cả lớp và riêng cho trẻ khuyết tật.
- Khi tổ chức hoạt động chung cho cả lớp, giáo viên nên xếp trẻ khuyết tật ngồi phía trên gần giáo viên hoặc ở vị trí giáo viên để quan sát nhưng không nên là tâm điểm chú ý của cả lớp.
- Ngoài hoạt động chung với cả lớp, giáo viên sắp xếp thời gian thực hiện tiết cá nhân cho trẻ và cần có sự phối hợp giữa giáo viên chính và giáo viên hỗ trợ. Tiết cá nhân thực hiện với từng trẻ theo đặc điểm của từng dạng tật. Tùy theo mức độ tật mà giáo viên chọn phương pháp thích hợp, khoảng 15 – 20 phút/ngày, 2 – 3 buổi/tuần.
- Giáo viên cần động viên, khích lệ trẻ khuyết tật khi thấy trẻ tiến bộ để tạo sự tự tin, lạc quan cho trẻ và phối hợp chặt chẽ với gia đình trong chăm sóc, giáo dục trẻ.
- Để xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân, cần khảo sát đánh giá các mặt phát triển của trẻ dựa vào 5 lĩnh vực phát triển sau:
 - + Phát triển thể chất:
 - Vận động thô;
 - Vận động tinh;
 - Tình trạng dinh dưỡng và sức khỏe;
 - Khả năng tự phục vụ trong sinh hoạt (ăn uống, vệ sinh, đi lại...).
 - + Phát triển nhận thức:
 - Hứng thú nhận thức, khả năng tập trung chú ý;
 - Khả năng quan sát, so sánh, phân loại...
 - Khả năng ghi nhớ;
 - Khả năng giải quyết vấn đề;

- + Phát triển ngôn ngữ:
 - Nghe hiểu lời nói;
 - Ngôn ngữ nói (biểu đạt bình thường hay có khó khăn về vốn từ, ngữ pháp, phát âm...);
 - Làm quen với việc đọc, viết;
 - Kỹ năng giao tiếp, thái độ trong giao tiếp...
- + Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội:
 - Ý thức về bản thân;
 - Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm;
 - Ứng xử thích hợp trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.
- + Phát triển thẩm mỹ:
 - Tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình);
 - Kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình.

Ngoài ra, cần chú ý môi trường sống của trẻ ở gia đình, nhà trường, cộng đồng...là những yếu tố có thể ảnh hưởng trực tiếp đến trẻ.

- Đánh giá trẻ:
 - + Đánh giá trẻ khuyết tật trong quá trình giáo dục hòa nhập là đánh giá sự tiến bộ của trẻ sau mỗi giai đoạn về các mặt phát triển đã nêu ở trên.
 - + Đồng thời giáo viên cũng cần tham khảo ý kiến của các chuyên gia giáo dục chuyên biệt và chuyên gia y tế để đánh giá đúng mức sự tiến bộ của trẻ và hướng can thiệp tiếp theo.
 - + Ghi nhận kết quả của trẻ vào sổ theo dõi và thông báo cho gia đình kể cả những thành công và chưa thành công của trẻ.

ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG 2

1. Phân tích sự khác nhau giữa môi trường giáo dục hòa nhập với các môi trường giáo dục khác.
2. Phân tích cách thức tổ chức giáo dục hòa nhập.

Nội dung 3

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC HÒA NHẬP TRẺ KHUYẾT TẬT TRONG GIÁO DỤC MẦM NON

Hoạt động 1. Tìm hiểu việc tổ chức môi trường thuận lợi cho trẻ khuyết tật và không khuyết tật trong giáo dục hòa nhập

1. Câu hỏi

Câu hỏi 1. Cách tổ chức các hoạt động giáo dục hoà nhập trong lớp học như thế nào để thuận lợi cho giáo dục hòa nhập?

Câu hỏi 2. Cách tổ chức các hoạt động giáo dục ở ngoài trời được tiến hành như thế nào trong giáo dục hoà nhập?

2. Thông tin phản hồi

Câu hỏi 1: Tổ chức trong lớp học hòa nhập.

- * Bố trí và tổ chức các khu vực hoạt động của trẻ trong trường lớp mẫu giáo:
 - Tổ chức môi trường hoạt động của trẻ trong trường, lớp mẫu giáo có vai trò quan trọng đối với sự phát triển về thể chất, ngôn ngữ, trí tuệ, tình cảm – xã hội, khả năng thẩm mỹ, sáng tạo của trẻ nói chung và trẻ khuyết tật nói riêng. Vì vậy, bố trí và tổ chức môi trường cho trẻ chơi và hoạt động cần đảm bảo trên nguyên tắc cho trẻ “chơi mà học” và phải tính đến các yếu tố sau:
 - + Không gian thực tế của trường.
 - + Mục đích tổ chức các hoạt động.
 - + Các yếu tố an toàn cho trẻ.
 - + Các nhu cầu của trẻ đặc biệt (nếu có).
 - + Sự linh hoạt và dễ thay đổi theo mục đích giáo dục theo các chủ đề.
 - Các khu vực hoạt động (góc chơi) bao gồm: góc chơi đóng vai, góc tạo hình, góc thư viện (sách, truyện), góc chơi xây dựng với các hình khối lớn, ghép hình và lắp ráp, góc khám phá khoa học, góc âm nhạc (nghệ thuật).
 - Tùy theo điều kiện của nhóm lớp giáo viên có thể bố trí 3 đến 4 khu vực cố định, các khu vực hoạt động khác có thể bố trí các giá sát tường, linh hoạt và triển khai thành góc khi cần thiết.

- * Một số yêu cầu chung về bố trí các khu vực hoạt động của trẻ:
 - Cần bố trí các khu vực chơi, hoạt động trong lớp và ngoài trời phù hợp, thuận lợi cho việc sử dụng của cô và trẻ, đảm bảo theo các nguyên tắc đã đề ra trong chương trình.
 - Phòng học đảm bảo sáng sủa, sạch sẽ, nhiều không gian mở. Cửa, lối đi ra vào, hiên, sân được bố trí hợp lí. Trong lớp nên có khu vực thuận tiện cho giáo viên đón trẻ tiếp xúc, gặp gỡ trò chuyện với phụ huynh.
 - Trong phòng nên bố trí bàn, ghế, tủ, kệ, giá thuận tiện, dễ thu dọn khi cần thiết, dành nhiều không gian cho trẻ hoạt động cá nhân, nhóm nhỏ, cả lớp và nghỉ trưa, ăn trưa. Các trang thiết bị, các giá, tủ nên bố trí sao cho dễ dàng di chuyển để làm vách ngăn cho các khu hoạt động riêng biệt phù hợp với tính chất của hoạt động động và tĩnh.
 - Nếu phòng, lớp quá nhỏ, có thể để bớt đồ đạc, bàn ghế ra ngoài hiên, tạo nhiều không gian, diện tích cho trẻ hoạt động. Ngoài ra có thể linh hoạt bố trí thêm các không gian phụ trong lớp hoặc bên ngoài hiên lớp học (nếu có) phù hợp với các góc chơi khi cần thiết tổ chức cho trẻ chơi.
 - Các khu vực hoạt động (góc chơi) cần bố trí thuận lợi cho trẻ được hoạt động theo khả năng, hứng thú, sở thích riêng. Khuyến khích trẻ tự chọn nơi chơi, các góc chơi, các khu vực hoạt động và tự quy định chơi cái gì, chơi với ai tham gia vào trò chơi, hoạt động theo khả năng và theo ý thích như: vẽ, nặn, lắp ráp, làm truyện tranh... phù hợp với triển khai của chủ đề và dễ dàng giao tiếp với các bạn trong nhóm và với các nhóm chơi khác.
 - Trang trí môi trường, bố trí tranh ảnh trong lớp ở các góc hoạt động cần đảm bảo tính thẩm mỹ, mang tính mở phù hợp với quá trình triển khai các nhánh của chủ đề, luôn tạo sự mới mẻ, hấp dẫn, kích thích trẻ hoạt động. Các bức tranh cần mang tính mở, gắn với chủ đề được bố trí thích hợp trong phòng lớp. Các bức tranh này cần được đưa vào những sản phẩm của trẻ và của cô cùng làm ra trong quá trình chơi, hoạt động ở các góc và cung cấp cơ hội cho trẻ, củng cố những hiểu biết, vận dụng giải quyết các vấn đề đặt ra.
 - Các góc cần được trang trí hấp dẫn, thẩm mỹ cùng với tên gọi và hình ảnh phù hợp, giúp trẻ nhận biết góc chơi một cách dễ dàng. Tên các góc cần được viết to theo đúng quy định mẫu chữ, giúp trẻ làm quen với chữ viết, gắn gũi, dễ hiểu đối với trẻ như: “Gia đình của tôi”, “Bé khám phá khoa học”, “Phòng khám đa khoa”, “Công trình xây dựng của chúng tôi...”.

- Khu vực vệ sinh cần được bố trí gần vòi nước sạch, vệ sinh sạch sẽ, an toàn thuận tiện cho trẻ tự thực hiện vệ sinh cá nhân.
- Các khu vực chơi còn được bố trí phản ánh văn hoá nơi trẻ sống như các đồ chơi được sử dụng phản ánh những đồ dùng, trang phục của địa phương... Ngoài ra để giúp cho trẻ có những hiểu biết về các nền văn hoá khác, cần bố trí có chỗ thích hợp để trưng bày một số ảnh về trẻ em các dân tộc khác nhau; ảnh cờ, tranh ảnh của các nước...
- * Quản lý, hướng dẫn và giám sát trẻ chơi ở các khu vực hoạt động (góc chơi):
- Đối với lớp mẫu giáo lớn, cô giáo có thể cùng trẻ chuẩn bị, tổ chức môi trường, cô hướng dẫn, theo dõi điều chỉnh hoạt động của trẻ trong các khu vực (góc chơi) hoạt động.
- Trong thời gian tổ chức cho trẻ chơi, hoạt động ở các góc, phụ thuộc vào kinh nghiệm của trẻ và yêu cầu triển khai của chủ đề, cô có thể tổ chức, triển khai dần dần từ 4 đến 5 khu vực (góc chơi) phù hợp. Không nhất thiết triển khai cùng một lúc với tất cả các góc.
- Phù hợp với nội dung chơi, hoạt động ở các góc, cô quan sát, gợi ý, khuyến khích trẻ hợp tác cùng nhau trong nhóm chơi, tạo cơ hội thể hiện mối quan hệ giao tiếp với các khu vực, nhóm chơi khác, mở rộng nội dung chơi phù hợp với chủ đề (Ví dụ: Mẹ cho con ăn bột, bố sắp xếp trang trí căn hộ gia đình, sửa chữa... (ở góc gia đình); các mẹ đưa con đi học ở trường mầm non (góc chơi đóng vai trường mầm non); hoặc cùng nhau chơi, làm một việc gì đó ở góc chơi với cát, nước, cùng tham gia chăm sóc cây cối, các con vật ở góc thiên nhiên...). Cô bố trí hợp lý về thời gian, không gian cho các nhóm chơi, hướng dẫn, tạo điều kiện cho mỗi trẻ cùng suy nghĩ, làm một việc gì đó, không thúc ép, áp đặt trẻ để tránh trẻ bắt chước lẫn nhau một cách thụ động và khuyến khích trẻ quan sát và học hỏi (Ví dụ: Cô gợi ý hỏi trẻ nên bố trí, trang trí những gì trong “căn phòng của gia đình” cho đẹp và thuận tiện (góc chơi “gia đình” với chủ đề gia đình); xưởng “May mặc thời trang” (góc tạo hình) sẽ thiết kế và may những mẫu, kiểu trang phục quần áo như thế nào phục vụ cho khách hàng...). Cô nên tạo tình huống thích hợp gợi ý trẻ cùng làm việc theo nhóm để phối hợp làm những sản phẩm, đồ chơi nào đó (góc tạo hình, góc gia đình) trong quá trình chơi giúp cho nội dung trò chơi trở nên phong phú, hấp dẫn (Ví dụ: “Xí nghiệp sản xuất ô tô” có những bộ phận làm thân và sơn ô tô, có bộ phận làm bánh xe, bộ phận lắp ráp các bộ phận của ô tô theo chủng loại ô tô khác nhau... sau đó cung cấp cho “Siêu thị ô tô Hà Nội” để bán hoặc cho bến xe “xe khách 1- 5”...).

- Trong quá trình trẻ chơi, hoạt động ở các góc, cô bao quát và chú ý đến nhu cầu, hứng thú của từng cá nhân, của nhóm chơi, gợi ý luân phiên, điều chỉnh số trẻ trong các nhóm chơi trong các khu vực hoạt động (góc) chơi phù hợp.
- Khi tổ chức cho trẻ chơi, hoạt động ở các góc, cô quan tâm, bao quát toàn bộ các khu vực hoạt động của trẻ. Trong đó khu vực chơi đóng vai, chơi xây dựng, lắp ghép, chơi ở góc tạo hình, góc khám phá khoa học được coi như khu vực hoạt động trọng tâm.
- Trong quá trình trẻ tham gia vào hoạt động ở các góc, cô theo dõi, quan sát các nhóm chơi, các hoạt động của trẻ để gợi mở, hướng dẫn kịp thời, khuyến khích trẻ thể hiện ý tưởng của mình, mở rộng mối quan hệ qua lại của trẻ giữa các nhóm chơi ở các khu vực hoạt động khác phù hợp với chủ đề chung. Không nên áp đặt, bắt trẻ chơi theo ý của người lớn hay ý của cô giáo. Cô ghi nhật kí về các hoạt động của trẻ, số lần trẻ chơi trong các khu vực hoạt động để có thể điều chỉnh, luân phiên kịp thời, tránh tình trạng trẻ chơi trong một khu vực hoạt động nào đó quá lâu.
- Với lớp mẫu giáo lớn, việc tổ chức cho trẻ chơi, hoạt động ở các góc được quy định trong chế độ sinh hoạt hằng ngày vào thời điểm buổi sáng và thời điểm buổi chiều sau khi ăn bữa phụ. Thời gian tiến hành hoạt động không nên quá 50 phút. Cô nên chú ý lên kế hoạch và thực hiện đảm bảo thời gian cho trẻ chơi thích hợp.
- * Các nguồn cung cấp vật liệu:
 - Vận động cha mẹ đóng góp đồ dùng học tập và đồ dùng đã qua sử dụng...
 - Vận động các cửa hàng, nhóm cộng đồng phụ huynh tặng trường, lớp (hộp bìa các tông, vỏ chai lọ nhựa, giấy báo, tạp chí cũ, quần áo, giày dép, điện thoại không dùng nữa, mũ nón, túi, khăn, cà vạt, trang sức giả, hoặc dụng cụ nghề mộc...).
 - Mua ở các trung tâm thiết bị và ở các cửa hàng bách hoá.
 - Cô và trẻ tự tạo và làm.
 - Những đồ dùng đã qua sử dụng cần được làm vệ sinh sạch sẽ trước khi cho trẻ dùng để chơi.
- * Gợi ý hướng dẫn tổ chức các khu vực hoạt động:
 - Khu vực chơi đóng vai:
 - + Khu vực chơi đóng vai là khu vực hoạt động trọng tâm, vì vậy cần bố trí vị trí, không gian thích hợp, đủ để triển khai các góc nhỏ phù hợp với các

vai chơi như góc “Căn hộ gia đình”, “Cửa hàng”, “Bệnh viện”, “Trường mẫu giáo”... Các khu vực (góc) chơi cần được bố trí sao cho tạo điều kiện tốt nhất cho trẻ tự do tham gia vào các vai chơi, khuyến khích trẻ suy nghĩ, tưởng tượng và thể hiện vai chơi một cách tích cực phù hợp như: đóng vai làm cha mẹ – con cái, em bé, cô giáo, bác sĩ, người bán hàng, người mua hàng, chú công nhân, chú công an, bộ đội...

- + Không gian ở khu vực này cần bố trí đủ để có thể chia thành một số góc nhỏ: góc “Căn hộ gia đình”, “Trường mẫu giáo”, “Công viên”, “Doanh trại bộ đội”... và với “Cửa hàng siêu thị”, “Cửa hàng rau quả”, “Bệnh viện”.
- + Đối với lớp mẫu giáo lớn, cô cần bố trí không gian thích hợp, thuận tiện cho việc tổ chức các trò chơi mang tính chất tập thể và hoạt động theo nhóm.
- + Khi tổ chức, tiến hành cho trẻ chơi trong khu vực này, đồ chơi, đồ dùng cho trẻ hoạt động cần được đưa ra, bổ sung dần, sắp xếp phù hợp với chủ đề chơi, nội dung chơi, tạo cho trẻ sự mới mẻ, hấp dẫn và kích thích khám phá, tìm tòi.
- Khu vực hoạt động tạo hình:
 - + Tạo hình là hoạt động nghệ thuật luôn được trẻ ưa thích. Trong khu vực hoạt động này, trẻ mong muốn được thể hiện sự sáng tạo, tiếp nhận những cảm xúc tích cực sáng tạo thông qua việc bố trí, tổ chức môi trường, không gian hoạt động thích hợp.
 - + Vị trí không gian trong lớp dành cho khu vực này nên được bố trí các giá kê có bánh xe kê cố định sát tường, hoặc khi cần thiết có thể tận dụng khoảng không gian khác phù hợp để bố trí thêm bàn và chỗ ngồi khi cần thiết.
 - + Nên bố trí đầy đủ các phương tiện, vật liệu cho trẻ thực hiện hoạt động như vẽ bằng ngón tay, bút màu, bút dạ, tô màu, nặn, xây dựng, cắt, dán, in...
 - + Bàn vẽ hay giá vẽ bố trí ở khu vực thoáng, rộng và gần nguồn nước, nên phủ khăn nilon trên các bàn cho trẻ chơi với đất nặn hoặc các vật liệu dễ bôi bẩn.
 - + Ở góc này, đồ dùng, phương tiện hoạt động được bày biện sao cho khuyến khích trẻ tự lựa chọn hoạt động theo ý thích, hoạt động theo nhóm gắn với chủ đề và nội dung chơi.
 - + Đối với lớp mẫu giáo lớn, cô nên khuyến khích trẻ thực hành, luyện tập một số kĩ năng xã hội ở góc này như: chia sẻ, trò chuyện trao đổi với bạn, với cô về ý tưởng mới khi vẽ, nặn... (kể mình làm về cái gì) hoặc nhận xét

sản phẩm của mình, của bạn; thu dọn đồ dùng khi thực hiện xong; chia sẻ đồ dùng với bạn, tự rửa tay khi kết thúc...

- Khu vực sách, truyện (thư viện):
 - + Sách, truyện có vai trò quan trọng trong đời sống của trẻ thơ và là một hoạt động thú vị đối với trẻ. Khu vực sách, truyện cần có sự yên tĩnh nên thường được đặt xa những khu vực hoạt động ồn ào, có không gian vừa đủ để bố trí giá sách, cái bàn và một vài ghế để trẻ ngồi xem sách, tranh và thực hiện các hoạt động phù hợp. Nếu phòng nhỏ có thể thay bàn ghế bằng đệm, gối hay các miếng thảm, chiếu nhỏ.
 - + Các loại sách, những bộ sưu tập (các con vật, các loại cây, các loại hạt, các loại hoa, các loại ô tô hay đồ chơi...), các tạp chí, sách, truyện tranh, tranh ảnh phù hợp với chủ đề được bày trên bàn, trên giá sách, để nhìn và sử dụng. Trẻ có thể xem các tranh ảnh để đoán, đặt tên hay mô tả về các đồ vật, con vật, đồ chơi trong tranh, hoặc cho trẻ cắt dán để làm truyện tranh; tập kể chuyện sáng tạo qua tranh gắn với chủ đề.
- Những sách và vật liệu cần thiết cho góc này:
 - + Các sách truyện tranh của mẫu giáo phù hợp với lứa tuổi, có nội dung gắn với chủ đề (nội dung truyện tranh thích hợp, không quá nhiều lời).
 - + Các sách trẻ tự làm dựa theo câu chuyện trẻ tự kể và tương tượng với sự hướng dẫn của cô.
 - + Các con rối, tranh ảnh sử dụng để kể chuyện.
 - + Tranh, ảnh các loại tạp chí (Hoạ mi, Nhi đồng...), lịch treo tường, tranh ảnh đã sử dụng dùng để cho trẻ xem tranh ảnh và cắt dán, làm truyện tranh...
- Khu vực chơi ghép hình, lắp ráp và xây dựng:
 - + Hoạt động ở góc này cung cấp cho trẻ nhiều cơ hội, óc tưởng tượng sáng tạo, phát triển ở trẻ kĩ năng phối hợp tay, mắt; phát triển vận động tinh và các cơ nhỏ, tạo điều kiện có cơ hội luyện tập kĩ năng giao tiếp xã hội.
 - + Hoạt động ghép hình, lắp ráp và xếp hình, xây dựng... có thể đặt ở chỗ cố định hoặc di động, tùy theo điều kiện phòng, lớp.
 - + Bố trí có chỗ thoải mái để trẻ có thể chơi xếp hình với các hình khối có kích thước to, nhỏ, các khối sơn màu khác nhau, có không gian cho trẻ làm việc, chơi xây dựng các công trình... với các hình khối bằng gỗ, vỏ hộp giấy, hộp TV, hộp đựng đài, các khối xốp...
 - + Bố trí khoảng không gian thích hợp, trong khu vực này cần có các đồ chơi ghép hình bằng gỗ, các bảng có lỗ, các bộ xây dựng với các khối gỗ khác

nhau, các khối bằng nhựa nhỏ, bộ đồ sửa chữa, một số bộ ghép hình về các con vật, tranh ảnh hoa, quả... để chơi xếp các hình, lắp ráp đồ chơi.

- Khu vực hoạt động khám phá khoa học:
 - + Trẻ lứa tuổi mẫu giáo rất thích thú khám phá, tìm hiểu môi trường xung quanh, đặc biệt thích chăm sóc cây cối, vật nuôi; thích thú theo dõi, quan sát sự lớn lên của chúng; học cách bảo vệ, chăm sóc môi trường xung quanh. Trẻ em tham gia hoạt động ở khu vực này các kĩ năng về nhận thức, vận động tinh, kĩ năng giao tiếp xã hội... được luyện tập, củng cố và trở nên bền vững hơn.
 - + Bố trí ở một góc trong lớp hoặc tốt nhất ở một góc ngoài hiên lớp học những cây cảnh, các loại hạt giống, quả, rau, hoa, có chậu để gieo hạt, quan sát sự nảy mầm và lớn lên của cây; lọ nước cho trẻ quan sát rễ cây; bể cá cảnh, thức ăn của cá, các dụng cụ chăm sóc cây cối như bình tưới nước... để trồng và theo dõi sự nảy mầm, một số cây cảnh, cây rau quen thuộc để trẻ được chăm sóc và quan sát sự lớn lên, thay đổi của chúng và thực hành chăm sóc cây cối.
 - + Tùy theo nội dung của chủ đề và điều kiện của lớp, cô giúp trẻ hướng lựa chọn nội dung chơi ở khu vực này cho thích hợp. Cô nên chú ý, lên kế hoạch và có những gợi ý để có thể luân phiên cho trẻ chơi trong khu vực này ở các ngày trong tuần.
- Khu vực hoạt động âm nhạc
 - + Âm nhạc là một hoạt động vui vẻ, giải trí, và là một hình thức hoạt động có tính nghệ thuật, sáng tạo được trẻ yêu thích, thích hợp với trẻ ở lứa tuổi mầm non. Vì vậy, góc âm nhạc được bố trí và tổ chức môi trường hợp lí, thuận tiện sẽ khuyến khích và tạo nhiều cơ hội cho trẻ được hoạt động tích cực, trải nghiệm những cảm xúc tích cực, vui tươi qua các giai điệu, lời ca, trò chơi âm nhạc, đồng kịch.

Câu hỏi 2. Tổ chức môi trường hoạt động ngoài trời.

- Môi trường bên ngoài lớp học rất tốt đối với sức khỏe và việc học tập, vui chơi của trẻ. Chơi ngoài trời tạo cho trẻ nhiều cơ hội vận động toàn thân, phát triển kĩ năng vận động thô như đi, chạy, nhảy, leo trèo, thăng bằng, sức mạnh, phối hợp các giác quan và tiếp nhận cảm giác.
- Hoạt động ngoài trời rất đa dạng và có thể thực hiện ở các khu vực khác nhau:
 - + Khu vực cây bóng mát, góc thiên nhiên, bãi cỏ: Khu vực này cần có ghế cho trẻ ngồi nghỉ, nghe kể chuyện...

- + Khu vực các thiết bị đồ chơi ngoài trời: Dụng cụ leo trèo: cầu trượt, đu quay, thăng bằng, đường ống để chui qua, thang bằng dây thừng, lớp ô tô dựng đứng để chui qua, bóng, ô tô, xe đạp ba bánh... có địa hình mấp mô cho trẻ đi, leo trèo.
- + Khu vực chơi với cát, nước và các vật liệu thiên nhiên: hố cát, bể nước và các vật liệu như xẻng, chai lọ, hộp, ô tô tải, rổ, thìa bát, cân, xà phòng, giấy gấp thuyền, phẩm màu, khuôn, xốp...
- + Khi chơi ngoài trời, giáo viên chỉ nên giới thiệu các khu chơi và ý tưởng chung, sau đó để trẻ tùy ý lựa chọn trò chơi, địa điểm chơi và cách chơi. Cô gợi ý lựa chọn các trò chơi, tổ chức các hoạt động ngoài trời gắn với nội dung triển khai trong ngày và chủ đề. Cô cần bao quát, quan sát trẻ chơi, đảm bảo an toàn cho trẻ.

Hoạt động 2. Tìm hiểu việc tổ chức môi trường thuận lợi cho trẻ khuyết tật

1. Câu hỏi

Thế nào là môi trường thuận lợi cho giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật?

2. Thông tin phản hồi

Trong lớp học hòa nhập, trẻ khuyết tật hay không khuyết tật đều hoạt động và sinh hoạt chung trong một môi trường là trường lớp mầm non. Nhưng do trẻ khuyết tật có những khiếm khuyết riêng nên nhiều khi môi trường trong lớp học chưa thực sự thuận lợi cho trẻ khuyết tật hoạt động và học tập. Chính vì vậy, giáo viên cần chú ý đến đặc điểm riêng của trẻ khuyết tật học hòa nhập trong lớp của mình để tổ chức môi trường sao cho thuận lợi để trẻ khuyết tật tham gia một cách có hiệu quả trong các hoạt động.

Môi trường thuận lợi cho giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật là những điều kiện vật chất và tâm lí tinh thần phù hợp với đặc điểm của trẻ khuyết tật giúp trẻ khuyết tật tham gia một cách có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục. Môi trường thuận lợi cho giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật gồm môi trường vật chất và môi trường tâm lí.

* Môi trường vật chất:

Để đảm bảo cho trẻ khuyết tật tham gia vào các hoạt động thuận lợi, cần:

- Bố trí không gian để sinh hoạt và học tập gọn gàng, ngăn nắp, tránh vật cản trên đường đi.

- Các đường hành lang có các chỉ báo bằng: đường gạch nền ở giữa hoặc hai bên có rãnh khác với những chỗ còn lại; mỗi bậc cầu thang cần có chỉ báo hết bậc; phòng học, phòng sinh hoạt, phòng ăn cần có kí hiệu nổi vừa tầm tay với trẻ.
- Các cạnh bàn, ghế, tủ, kệ được làm tù (vê tròn) hoặc bịt các góc để tránh việc trẻ xô đẩy, ngã, vấp gây nguy hiểm, thương tích cho trẻ.
- Tường phòng được làm giảm âm.
- Bổ sung thêm một số đồ dùng, đồ chơi phù hợp với trẻ khuyết tật có trong lớp học hòa nhập.

* Môi trường tâm lí:

Trẻ khuyết tật thường có những biểu hiện khác với trẻ bình thường cùng tuổi do khuyết tật tạo ra, dễ làm cho các trẻ khác chú ý hoặc chế nhạo, hoặc xa lánh. Chẳng hạn như: Trẻ khiếm thính do không nghe được, không nghe rõ nên mọi thông tin trẻ tiếp nhận chủ yếu qua mắt. Mặt khác, trẻ biểu đạt cảm xúc, ức chế của bản thân không bằng lời nói như các bạn khác mà bằng hành vi khác lạ với các bạn. Điều này dễ gây phản cảm đối với trẻ trong lớp nên trẻ khiếm thính dễ bị xa lánh. Trẻ khuyết tật trí tuệ, nhận thức chậm chạp, vận động thường vụng về nên dễ bị các bạn khác chê cười, chế nhạo. Trẻ khiếm thị có những khó khăn trong di chuyển, tự phục vụ và hiểu các khái niệm thông thường... Tuy nhiên, trẻ khuyết tật có những điểm mạnh riêng như: trẻ khiếm thính có khả năng quan sát tốt, nhanh nhẹn và khéo léo trong vận động, bắt chước; trẻ khiếm thị có trí nhớ âm thanh và thường có khả năng về hát, nhạc...

Giáo viên cần xây dựng bầu không khí vui tươi, ấm áp và chia sẻ trong lớp, trong trường của mình. Tạo ra bầu không khí đầm ấm chia sẻ là yếu tố quan trọng giúp trẻ phát triển nhân cách và học tốt. Để làm được điều này, cần lưu ý một số điểm sau đây:

- Phát hiện và sử dụng những điểm mạnh của trẻ đồng thời tạo cơ hội cho trẻ khuyết tật thể hiện điểm mạnh, có được những thành công của mình. Ví như: cho trẻ khiếm thính thể hiện “năng khiếu” múa, kịch, vẽ; trẻ khiếm thị thể hiện tiếng hát, đọc thơ, kịch...
- Động viên, khuyến khích kịp thời những thành công của trẻ khuyết tật.
- Cho trẻ không khuyết tật cảm nhận những khó khăn của bạn khuyết tật để từ đó có những cảm thông, chia sẻ nhất định.

Hoạt động 3. Cách thức tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật trong trường, lớp mầm non

1. Câu hỏi

Phân tích một số ví dụ về tổ chức hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật.

2. Thông tin phản hồi

- * Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật trong trường, lớp mầm non cần thực hiện theo nguyên tắc chung:

Trẻ cần được tham gia tất cả những hoạt động như trẻ bình thường (nếu có thể).

Xây dựng hoạt động mới hoặc điều chỉnh các hoạt động chung cho phù hợp với khả năng của trẻ;

Trang bị những dụng cụ, đồ dùng sinh hoạt, đồ chơi phù hợp với đặc điểm tật và khả năng của trẻ.

- * Gợi ý một số hoạt động chăm sóc và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật trong trường mầm non:

1. Lĩnh vực phát triển thể chất

1.1. Dụng cụ thích hợp

- * Tất cả những loại dụng cụ thích hợp hiện có từ những cái phức tạp, đắt tiền đến những cái đơn giản, được làm bằng những vật liệu dễ kiếm đều là những phương tiện trợ giúp quan trọng để giúp trẻ phát triển tối đa khả năng vận động của chúng. Vì vậy, cần phải biết nguyên tắc cơ bản về tư thế của trẻ khi sử dụng những dụng cụ này. Cha mẹ và giáo viên nên được hướng dẫn cách sử dụng đúng.

- * Các loại dụng cụ:

– Dụng cụ để dưới sàn nhà:

- + Bờ xiên: Dụng cụ trợ giúp trong thế nằm sấp; giúp trẻ phát triển và kiểm soát đầu, vai, tay và hai bàn tay; kéo dẫn cơ hông, gối và vai; giúp ngóc đầu lên và giữ hai tay ra trước khi đặt trẻ sấp.



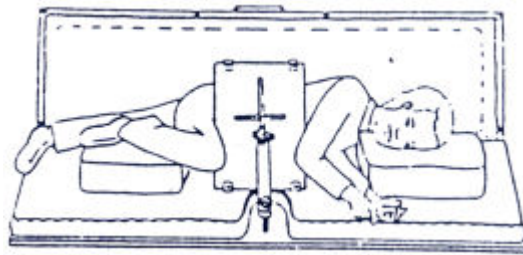
+ Trục lăn:

- Giúp ngóc đầu lên khi cho nằm sấp.
- Ngồi giữ 2 chân dang để kéo dẫn cơ áp đùi.
- Kích thích thẳng bằng tư thế ngồi.
- Nên làm đúng kích thước để trẻ đặt bàn chân sát nền nhà.



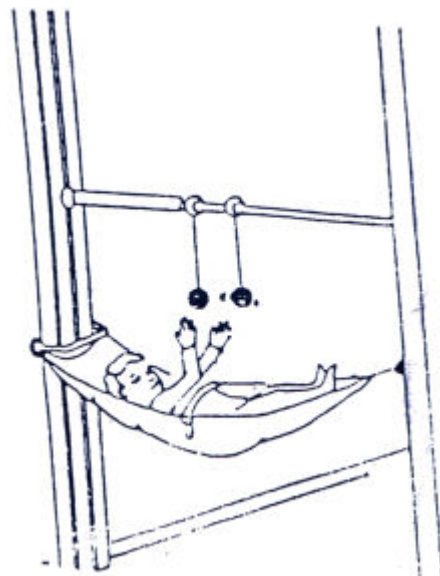
+ Ghế nằm một bên:

Trẻ giữ tư thế nghiêng:
2 tay ra trước hướng
vào đường giữa, lưng
hông hơi gập, chân bên
trên co tới trước. Giúp
giảm ưỡn lưng.



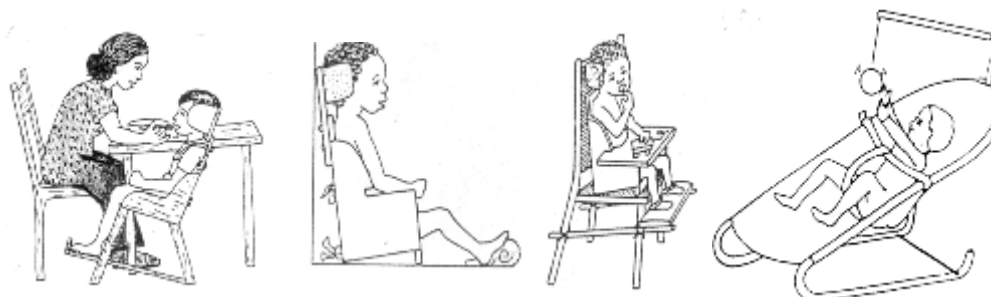
+ Văng:

Giảm gồng, ưỡn cổ, lưng.



+ Ghế ngồi:

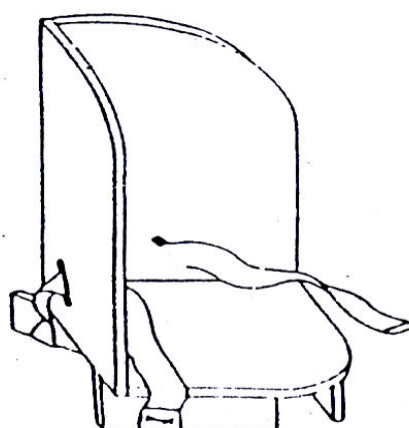
- Ghế cho em bé: Nên dùng kiểu nửa nằm nửa ngồi, có đai giữ an toàn. Một số trẻ liệt cứng và trẻ nhỏ có thể dễ làm lật ghế, không nên đặt ghế trên cao.



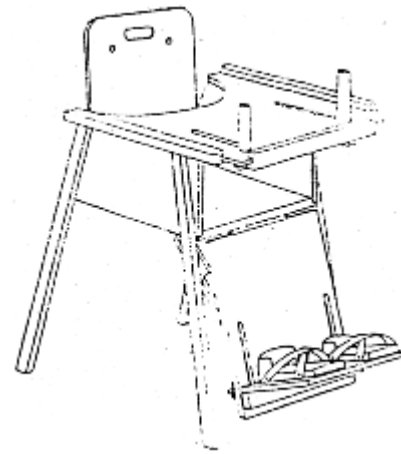
- Gối ngồi “bao đậu”: Dùng cho những trẻ không có khả năng giữ cổ và lưng thẳng; Giúp trẻ ngồi lên và hai tay đưa ra trước để dễ dàng cho trẻ ăn uống và chơi.



- Ghế kiểu tam giác: Có lưng tựa tạo thành một góc giúp nâng đỡ lưng trẻ và giữ 2 tay ra trước.

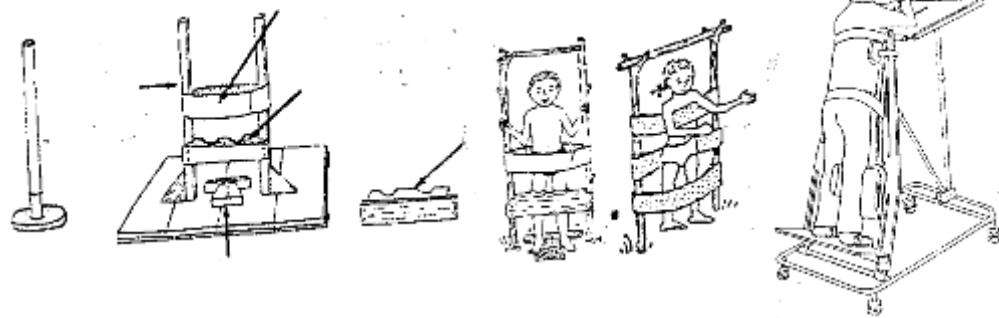


- Ghế đặc biệt có mặt bàn: Giữ thân thẳng, hông, gối thẳng góc 90°. Trong tư thế này trẻ nhìn mọi vật xung quanh và sử dụng 2 tay; dễ dàng cho ăn uống và làm vệ sinh.



- + Dụng cụ đứng: Cách giúp trẻ tăng tiến khả năng đứng; dùng cho trẻ bị tổn thương cột sống, hoặc để chống mặt khi đặt trẻ đứng.

Bàn đứng sấp, khung đứng... nhằm để trẻ duy trì tư thế đứng (hơi dựa ra phía trước); gia tăng sự tuần hoàn ở 2 chân; giúp xương tăng trưởng thẳng và mạnh.



- + Khung đi: Có nhiều loại khung đi khác nhau; nhằm giúp trẻ di chuyển từ chỗ này đến chỗ khác. Vật liệu phải nhẹ nhàng nhưng chắc chắn.



1.2. Gợi ý một số hoạt động điều chỉnh hoặc thay thế cho trẻ khuyết tật

* Trẻ khiếm thị:

- Hoạt động: Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.
- + Cô cho từng trẻ hoặc từng nhóm nhỏ (3 – 4 trẻ) đứng ở vạch xuất phát. Khi xuất phát, cho trẻ chạy chậm, được khoảng 5m thì cô hô cho trẻ chạy nhanh lên; trẻ chạy nhanh được 4 – 5m, cô lại hô cho trẻ chạy chậm lại, rồi dừng hẳn. Yêu cầu trẻ khi chạy phải chú ý nghe khẩu lệnh nhanh – chậm của cô để thay đổi tốc độ chạy cho phù hợp.
- + Điều chỉnh cho trẻ khiếm thị theo 2 cách:
 - Cách 1: Tại đích chạy cần có tín hiệu âm thanh như tiếng trống, còi, xắc xô. Giáo viên phát âm thanh ở đích; trẻ khiếm thị nghe âm thanh và hiệu lệnh của giáo viên chạy tới hướng phát âm thanh.
 - Cách 2: Trẻ khiếm thị cùng chạy với các bạn, song cần có 1 bạn cầm dây chạy trước. Khoảng cách giữa trẻ cầm dây và trẻ khiếm thị khoảng 1m. Chú ý trong khi chạy, không để cho trẻ dẫn đường kéo bạn khiếm thị hoặc dây trùng quá khiến bạn khiếm thị mất định hướng chạy.
- Luyện tập phát triển thể chất còn có thể thông qua các trò chơi. Dưới đây giới thiệu một số trò chơi trẻ khiếm thị cùng tham gia với trẻ sáng mắt.
- + Trò chơi: giữ thăng bằng.
 - Mục đích: giúp trẻ giữ được thăng bằng nhanh.
 - Số trẻ tham gia chơi khoảng 4– 6 em một nhóm. Trẻ sáng mắt cùng tham gia với trẻ khiếm thị (trẻ sáng mắt cần bịt mắt).
 - Cách chơi: Tất cả xếp thành vòng tròn cầm tay nhau và cách nhau khoảng một tầm tay. Trọng tài đứng giữa ra hiệu lệnh. Khi có hiệu lệnh như bước/chạy sang phải hoặc sang trái, trẻ sẽ bước/chạy sang hướng đó. Bất ngờ, trọng tài ra hiệu lệnh “Dừng lại”, lập tức tất cả phải dừng lại. Nếu ai không dừng lại (không giữ được thăng bằng) coi như thua cuộc và phải chịu phạt bằng cách nhảy lò cò 1 – 2 vòng.

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

2.1. Khám phá khoa học đối với trẻ khuyết tật hòa nhập

* Khi tổ chức hoạt động khám phá khoa học cho trẻ, giáo viên cần:

- Cho trẻ khám phá và nhận ra những nét đặc trưng của vật sống, đồ vật và những sự vật, hiện tượng quan sát được bằng cách sử dụng tất cả các giác quan một cách thích hợp.

- Cho trẻ xem xét những nét giống nhau và khác nhau của các sự vật, hiện tượng.
- Cho trẻ quan sát, xem xét, phỏng đoán các sự vật và hiện tượng xung quanh.
- Dành thời gian cho trẻ tự khám phá, trải nghiệm và chia sẻ, bày tỏ ý kiến của mình.
- Khuyến khích trẻ suy nghĩ về những gì chúng đang nhìn thấy, đang làm và phát triển những suy nghĩ, ý tưởng của mình và quan tâm đến môi trường xung quanh.
- Sử dụng câu hỏi gợi mở để giúp trẻ phát triển suy nghĩ của mình.
- Cho phép trẻ được hoạt động và làm những công việc phục vụ cho bản thân trẻ vì những công việc đó có thể sẽ là những bài học và trải nghiệm tốt cho trẻ về khoa học.
- Tạo cho trẻ môi trường hoạt động khám phá khoa học phong phú, hấp dẫn với các đồ dùng, đồ chơi, các nguyên vật liệu khác nhau.

Trẻ nhỏ học chủ yếu qua chơi, qua tự mày mò, khám phá. Giáo viên nên bày phòng nhóm và môi trường hoạt động sao cho kích thích trẻ hoạt động và dành phần lớn thời gian tự học qua chơi. Ví dụ: ở góc chơi nước có các đồ đựng nước, phễu, rây, các vật nổi/ chìm trong nước, một vài chất tan/không tan trong nước, bột màu... sẽ khuyến khích trẻ khám phá đặc điểm và tính chất của nước.

Trong mỗi hoạt động khám phá khoa học, căn cứ vào khả năng của trẻ khuyết tật, giáo viên cần có những điều chỉnh cụ thể cho phù hợp với mức độ phát triển và đặc điểm của trẻ.

- * Gợi ý một số hoạt động cụ thể và điều chỉnh cho trẻ khuyết tật:

Hoạt động: Bé thông minh

- Mục tiêu chung:
 - Phát triển khả năng quan sát, nhận xét và giải quyết tình huống có vấn đề.
 - Củng cố hiểu biết của trẻ về một số đồ dùng trong sinh hoạt.
- Mục tiêu riêng cho trẻ khuyết tật.
- + Trẻ khiếm thính:
 - Phát triển khả năng quan sát, nhận xét và giải quyết tình huống có vấn đề.
 - Củng cố hiểu biết của trẻ về một số đồ dùng trong sinh hoạt.
- + Trẻ khiếm thị:
 - Phát triển khả năng quan sát bằng xúc giác, nhận xét và giải quyết tình huống có vấn đề.

- Củng cố hiểu biết của trẻ về một số đồ dùng trong sinh hoạt.
- + Trẻ khuyết tật trí tuệ:
- Phát triển khả năng chú ý quan sát, nhận xét và giải quyết tình huống có vấn đề.
- Củng cố hiểu biết của trẻ về một số đồ dùng trong sinh hoạt.
- Chuẩn bị: Trưng bày các đồ vật sau lên 3 – 4 bàn:
 - + 1 túi vải, 2 – 3 đồ chơi.
 - + 1 mũ bảo hiểm xe máy, 1 đôi dép trẻ em, 1 áo khoác người lớn.
 - + 1 ba lô, 2 đôi tất, 2 cái kính, 1 đôi găng tay, 1 cái gương, 1 cái lược.
- Tiến hành chung:
 - + Cô cho trẻ quan sát kĩ các đồ vật để trên mỗi bàn và yêu cầu một số trẻ kể tên các vật có trên bàn.
 - + Cô nêu tình huống: Mỗi bạn hãy quan sát và nghĩ xem cách làm thế nào để mang hết các đồ vật trên bàn đưa xuống cuối lớp một cách gọn gàng và nhanh chóng mà chỉ với một lần đi.
 - + Nếu trẻ chưa biết cách mang đồ vật một cách gọn nhẹ nhất (ôm hết các thứ vào người và 2 tay) thì cô gợi ý: “Mũ bảo hiểm dùng để làm gì? (để đội)”, “Túi dùng để làm gì? (để đựng các thứ)”, “Dép để làm gì? (để đi)”, “Ba lô dùng để làm gì? (để đựng)”.
 - + Gợi ý mức độ cụ thể hơn nếu trẻ chưa biết thực hiện: “Có thể mang được mũ và dép xuống cuối lớp bằng cách đội mũ lên đầu, chân đi dép được không?”...
 - + Sau đó, cho trẻ thảo luận muốn mang các vật đi một cách nhanh chóng, gọn gàng cần phải làm gì? (cần phải quan sát kĩ và suy nghĩ, cho cái nhỏ vào cái to hơn hoặc cho các thứ vào túi để mang đi...).
- Tiến hành cho trẻ khuyết tật:
 - + Trẻ khiếm thính:
 - Cô cho trẻ quan sát kĩ các đồ vật để trên mỗi bàn và yêu cầu trẻ kể tên (bằng kí hiệu) các vật có trên bàn.
 - Cô nêu tình huống (bằng kí hiệu): Mỗi bạn hãy quan sát và nghĩ xem cách làm thế nào để mang hết các đồ vật trên bàn đưa xuống cuối lớp một cách gọn gàng và nhanh chóng mà chỉ với một lần đi.
 - Nếu trẻ chưa biết cách mang đồ vật một cách gọn nhẹ nhất (ôm hết các thứ vào người bằng 2 tay) thì cô gợi ý (bằng kí hiệu): “Mũ bảo hiểm dùng

để làm gì? (để đội)", "Túi dùng để làm gì? (để đựng các thứ)", "Dép để làm gì? (để đi)", "Ba lô dùng để làm gì? (để đựng)".

- Gọi ý mức độ cụ thể hơn nếu trẻ chưa biết thực hiện: "có thể mang được mũ và dép xuống cuối lớp bằng cách đội mũ lên đầu, chân đi dép được không?"...
- Sau đó, cho trẻ thảo luận (bằng kí hiệu) muốn mang các vật đi một cách nhanh chóng, gọn gàng cần phải làm gì? (cần phải quan sát kĩ và suy nghĩ, cho cái nhỏ vào cái to hơn hoặc cho các thứ vào túi để mang đi...).

+ Trẻ khiếm thị:

- Cô cho trẻ quan sát kĩ (bằng sờ, bằng nghe) các đồ vật để trên bàn và yêu cầu trẻ kể tên các vật có trên bàn (số lượng ít hơn so với trẻ bình thường).
- Cô nêu tình huống: "Các con hãy quan sát và nghĩ xem cách làm thế nào để mang hết các đồ vật trên bàn đưa xuống cuối lớp một cách gọn gàng và nhanh chóng mà chỉ với một lần đi?".
- Nếu trẻ chưa biết cách mang đồ vật một cách gọn nhẹ nhất (ôm hết các thứ vào người và 2 tay) thì cô gọi ý (bằng kí hiệu): "Mũ bảo hiểm dùng để làm gì? (để đội)", "Túi dùng để làm gì? (để đựng các thứ)", "Dép để làm gì? (để đi)", "Ba lô dùng để làm gì? (để đựng)".
- Gọi ý mức độ cụ thể hơn (nếu trẻ chưa biết thực hiện): "có thể mang được mũ và dép xuống cuối lớp bằng cách đội mũ lên đầu, chân đi dép được không?"...
- Sau đó, cho trẻ thảo luận muốn mang các vật đi một cách nhanh chóng, gọn gàng cần phải làm gì? (Cần phải quan sát kĩ và suy nghĩ, cho cái nhỏ vào cái to hơn hoặc cho các thứ vào túi để mang đi...).

+ Trẻ khuyết tật trí tuệ:

- Cô cho trẻ tập trung quan sát kĩ một số (số lượng ít hơn so với trẻ bình thường) đồ vật để trên bàn và yêu cầu trẻ kể tên các vật có trên bàn.
- Cô nêu tình huống: "Các con hãy quan sát và nghĩ xem cách làm thế nào để mang hết các đồ vật trên bàn đưa xuống cuối lớp một cách gọn gàng và nhanh chóng mà chỉ với một lần đi?".
- Nếu cháu chưa biết cách mang đồ vật một cách gọn nhẹ nhất (ôm hết các thứ vào người bằng 2 tay) thì cô gọi ý (bằng kí hiệu): "Mũ bảo hiểm dùng để làm gì? (để đội)", "Túi dùng để làm gì? (để đựng các thứ)", "Dép để làm gì? (để đi)", "Ba lô dùng để làm gì? (để đựng)".
- Gọi ý mức độ cụ thể hơn nếu trẻ chưa biết thực hiện: "có thể mang được mũ và dép xuống cuối lớp bằng cách đội mũ lên đầu, chân đi dép được không?"...

- Sau đó, cho trẻ thảo luận muốn mang các vật đi một cách nhanh chóng, gọn gàng cần phải làm gì? (cần phải quan sát kĩ và suy nghĩ, cho cái nhỏ vào cái to hơn hoặc cho các thứ vào túi để mang đi...).

Trong trường hợp trẻ không làm được, có cùng trẻ hoặc nhờ bạn khác giúp trẻ làm giống các bạn.

Hoạt động: Đo cây

- **Mục tiêu chung:** Trau dồi óc quan sát, làm quen với đo lường.
- **Mục tiêu riêng đối với trẻ khuyết tật:**
 - + **Trẻ khiếm thính:** Trau dồi óc quan sát, làm quen với đo lường.
 - + **Trẻ khiếm thị:** Trau dồi óc quan sát, phát triển tri giác xúc giác, làm quen với đo lường.
 - + **Trẻ khuyết tật trí tuệ:** Hình thành chú ý và óc quan sát, làm quen với đo lường.
- **Chuẩn bị:** Trồng các cây lớn nhanh như cây đậu. Cắt những mảnh bìa cứng màu để làm thước đo.
- **Tiến hành chung:** Sau khi cây mọc, đo cây một tuần một lần. Làm sơ đồ hoặc biểu đồ sự lớn lên của cây. Có thể so sánh những cây lớn lên không bình thường với những cây khác. Trẻ có thể thử đo bằng những đơn vị đo khác nhau để xác định chiều cao của cây.
- **Tiến hành riêng cho trẻ khuyết tật:**
 - + **Trẻ khiếm thính:** Sau khi cây mọc, đo cây một tuần một lần. Làm sơ đồ hoặc biểu đồ sự lớn lên của cây. Có thể so sánh những cây lớn lên không bình thường với những cây khác. Trẻ có thể thử đo bằng những đơn vị đo khác nhau để xác định chiều cao của cây.
 - + **Trẻ khiếm thị:** Sau khi cây mọc, đo cây một tuần một lần. Làm sơ đồ hoặc biểu đồ sự lớn lên của cây bằng cách lưu lại độ dài của thước đo sau mỗi lần đo. Cuối cùng cho trẻ so sánh độ dài của các thước đo sau mỗi lần đo (trẻ có thể nhận xét chiều dài của thước đo các lần đo từ đó rút ra kết luận cây lớn lên vì thước dài ra). Có thể so sánh những cây lớn lên không bình thường với những cây khác. Trẻ có thể thử đo bằng những đơn vị đo khác nhau để xác định chiều cao của cây.
 - + **Trẻ khuyết tật trí tuệ:** Sau khi cây mọc, đo cây một tuần một lần. Làm sơ đồ hoặc biểu đồ sự lớn lên của cây. Trẻ có thể thử đo bằng những đơn vị đo khác nhau để xác định chiều cao của cây.

2.2. Các hoạt động làm quen với toán trong giáo dục hòa nhập

a) Một số lưu ý trong làm quen với toán đối với trẻ khuyết tật học hòa nhập

* Đối với trẻ khiếm thính:

Quá trình làm quen với toán ở trẻ khiếm thính cũng diễn ra giống như trẻ nghe được. Do vậy, các nội dung và các hoạt động cho trẻ làm quen với toán của trẻ bình thường có thể sử dụng được cho đối tượng này. Trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy toán, giáo viên cần lưu ý một số điểm sau:

- Trẻ khiếm thính còn có khả năng nói, do đó giáo viên cần nói rõ ràng, chậm hơn so với bình thường để trẻ tiếp thu được.
- Đối với trẻ chưa nói (phát âm) được, giáo viên cần sử dụng kí hiệu ngôn ngữ.
- Trong mọi trường hợp, cần phải để trẻ nhìn rõ hình miệng của giáo viên.
- Kết hợp giữa nói và các minh họa với đồ dùng trực quan.

* Đối với trẻ khiếm thị:

Mặc dù quá trình làm quen với toán ở trẻ khiếm thị cũng diễn ra giống như trẻ sáng mắt, song do không nhìn được hoặc nhìn không rõ nên trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy toán, giáo viên cần cho trẻ thực hành với đồ dùng dạy học. Các lời giới thiệu, giải thích, hướng dẫn cần rõ ràng với vận tốc chậm hơn so với trẻ sáng mắt.

* Đối với trẻ khuyết tật trí tuệ:

Quá trình nhận thức của trẻ khuyết tật trí tuệ diễn ra chậm hơn trẻ “bình thường” rất nhiều. Do vậy, trong quá trình tổ chức các hoạt động làm quen với toán, giáo viên cần chia nhỏ các bước và nhất thiết phải cho trẻ thực hành với đồ dùng dạy học. Để trẻ hiểu rõ các biểu tượng, khái niệm về toán, biết được các số đếm, số thứ tự và các nội dung như: không gian, thời gian và hình dạng, màu sắc... trẻ khuyết tật trí tuệ cần được hướng dẫn cụ thể, được luyện tập, thực hành nhiều lần.

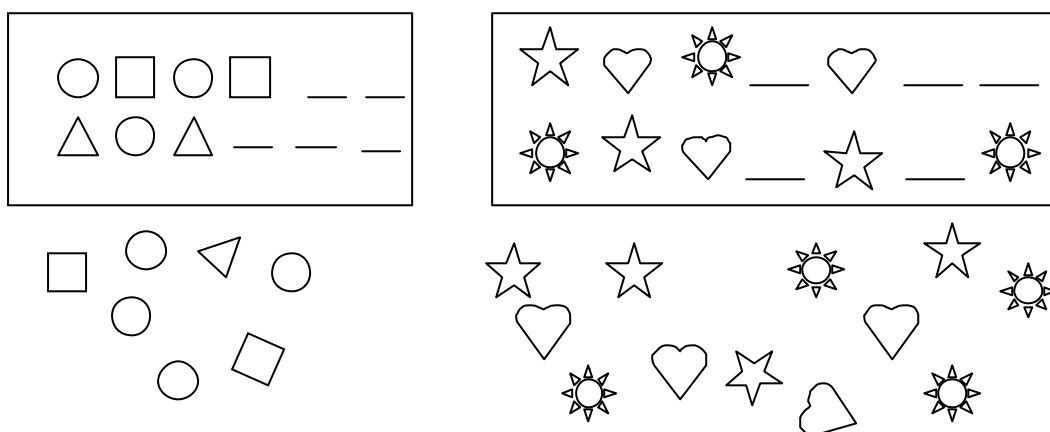
Nội dung, yêu cầu đối với trẻ khuyết tật trí tuệ đối với hoạt động làm quen với toán cần được lựa chọn, xây dựng trên cơ sở năng lực nhận thức của trẻ. Do vậy, mục tiêu, nội dung và phương pháp tiến hành các hoạt động cần được điều chỉnh cho phù hợp với trẻ.

b) Gợi ý hoạt động cụ thể (5 – 6 tuổi)

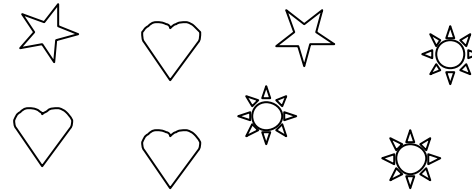
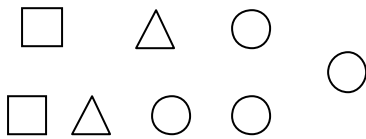
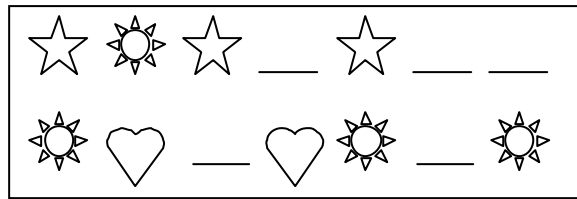
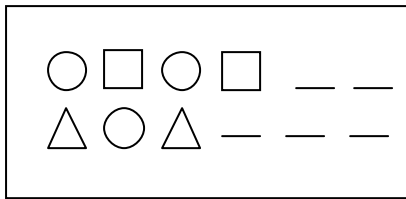
* Hoạt động: Làm tiếp tục:

(Nội dung: so sánh, phân loại và xếp theo quy tắc, mẫu giáo lớn)

- * Mục tiêu chung: Trẻ phát hiện được quy tắc sắp xếp của các đối tượng và hoàn chỉnh các sắp xếp đó.
- * Mục tiêu riêng cho trẻ khuyết tật trí tuệ: Trẻ phát hiện được quy tắc sắp xếp của hai đối tượng và hoàn chỉnh các sắp xếp đó.
- * Chuẩn bị:
 - Bìa các tông với các hình rời như bảng gợi ý dưới đây (xem hình vẽ – trẻ làm với 3 hình khác nhau).
 - Các hình rời này dễ dàng bóc ra hay dính vào bìa để có thể thay đổi được nhiều cách sắp xếp khác nhau.



- Cho trẻ chỉ và đọc lần lượt tên các hình trên bảng bìa (theo hàng). Ví dụ: hình vuông, hình tròn, hình vuông, hình tròn... Hỏi trẻ có nhận xét gì về cách sắp xếp này. Sau đó cho trẻ chọn các hình rời ở ngoài để gắn vào vị trí còn bỏ trống cho đúng với cách sắp xếp đã có. Tương tự với các hình khác. Khi trẻ đã thành thạo, cho trẻ chơi cá nhân hoặc chia thành từng nhóm để thi đua xem nhóm nào hoàn thành trước.
- Hoạt động này nên được tiến hành trong góc hoạt động: có thể sử dụng các mảng tường để treo (dán) mảnh bìa hoặc để trong hộp sao cho trẻ dễ dàng lấy ra chơi hoặc cất gọn khi không chơi nữa.
- * Chuẩn bị riêng cho trẻ khuyết tật trí tuệ:
 - Bìa các tông với các hình rời như bảng gợi ý dưới đây (xem hình vẽ – chỉ làm với 2 hình khác nhau).
 - Các hình rời này dễ dàng bóc ra hay dính vào bìa để có thể thay đổi được nhiều cách sắp xếp khác nhau.



* Tiến hành riêng cho trẻ khuyết tật trí tuệ:

- Cho trẻ cầm hoặc chỉ và đọc lần lượt tên các hình trên bảng bìa (theo hàng). Ví dụ: hình tròn, hình vuông, hình tròn, hình vuông... Hỏi trẻ: thứ tự các hình đã xếp trên bảng. Sau đó cho trẻ chọn các hình rời ở ngoài để gắn vào vị trí còn bỏ trống cho đúng với thứ tự đã có. Tương tự với các hình khác. Khi trẻ đã thành thạo, cho trẻ chơi cá nhân hoặc chơi chung với các bạn trong nhóm.
- Hoạt động này nên được tiến hành trong góc hoạt động: có thể sử dụng các mảng tường để treo (dán) mảnh bìa hoặc để trong hộp sao cho trẻ dễ dàng lấy ra chơi hoặc cất gọn khi không chơi nữa.

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

3.1. Một số lưu ý đối với trẻ chậm phát triển ngôn ngữ

Nếu thấy trẻ có những biểu hiện khó khăn về ngôn ngữ (nghe hoặc phát âm), cha mẹ và cô giáo cần tìm đến sự giúp đỡ của các nhà chuyên môn. Ngoài ra, cha mẹ và cô giáo cần lưu ý một số điều sau đây:

a) Đối với trẻ dưới 12 tháng tuổi

- Luôn dành thời gian trò chuyện, chú ý đến các nhu cầu của trẻ. Âu yếm, khích lệ trẻ bằng các câu nói tình cảm.
- Kích thích trẻ phát âm các âm bập bẹ, bắt chước âm thanh của người lớn.

b) Đối với trẻ 13 – 24 tháng tuổi

- Luôn dành thời gian trò chuyện, chú ý đến nhu cầu của trẻ. Âu yếm, khích lệ trẻ bằng các câu nói tình cảm. Nói chậm và rõ, nhấn mạnh trọng âm để trẻ có thể nghe rõ từng âm.
- Kích thích trẻ phát âm các âm, các từ, chơi các trò chơi vận động môi lưỡi, trò chơi lắng nghe. Chỉ những vật dụng hàng ngày quen thuộc và yêu cầu bé cùng gọi tên.

- Khi trẻ cho tay vào miệng hãy đưa cho trẻ đồ chơi trẻ thích. Đừng để trẻ cho tay vào miệng vì mút tay có thể góp phần tạo nên tật nói ngọng dù không dễ dàng gì giúp trẻ bỏ tật mút tay.

c) Đối với trẻ 24 – 36 tháng tuổi

- Trong quá trình học nói, trẻ cần ghi nhận được chính xác các âm thanh của lời nói, phân biệt và ghi nhớ được mối liên hệ giữa khái niệm và tên gọi của nó. Mặt khác, khả năng phát âm của trẻ còn phụ thuộc vào sự thuần thục dần của hệ thần kinh.
- Với trẻ chậm nói, cần phân biệt 2 khả năng:
 - + Nếu trẻ vẫn hiểu được lời nói (chỉ đúng những gì được hỏi như: Tai đâu? Mắt đâu? và thực hiện đúng những mệnh lệnh đơn giản như lấy mũ, dép...) thì đó chỉ là chậm nói đơn thuần. Nếu được giúp đỡ tốt, những trẻ này có thể phát triển lời nói rất nhanh và không bị chậm trễ về mặt ngôn ngữ khi đến tuổi đi học.
 - + Nếu trẻ bị chậm cả diễn đạt lẫn cảm thụ ngôn ngữ thì thường có nguyên nhân nghe kém hoặc chậm khôn, cần phải đưa trẻ đi khám chuyên khoa tai, đo sức nghe và đo chỉ số IQ để biết nguyên nhân và có biện pháp can thiệp kịp thời.
- Với trẻ đột ngột không nói được hoặc nói năng lộn xộn, "nói mà không hiểu" thì cần sớm đưa trẻ đến các chuyên khoa khám về thần kinh, tâm lý.
- Với trẻ nhút nhát hoặc ít nói, nhiệm vụ của giáo viên là giúp cho trẻ cảm thấy thoải mái trong lớp, không nên ép trẻ nói khi chúng chưa cảm thấy thoải mái tự tin. Nếu cố ép trẻ nói, sẽ gây kết quả ngược lại. Giáo viên nên cười, gật đầu, nói những từ biểu lộ khi thích hợp và để trẻ một mình khi cần thiết.
- Với những trẻ nói lắp, nhắc nhở trẻ nói từ từ. Nếu trẻ nói sai không nên bắt trẻ lặp đi lặp lại các câu theo mẫu của người lớn, việc này gây cho trẻ cảm giác luôn có lỗi khi nói. Nên lặp đi lặp lại những từ mà trẻ nói đúng, những từ ngữ thu hút chú ý của trẻ nhỏ, các âm nổi bật được lặp đi lặp lại như: từng – dính – từng... Trẻ thích nói những từ vô nghĩa, lặp lại các từ đồng âm. Việc học ngôn ngữ của trẻ đòi hỏi các từ và các câu chuyện phải được lặp đi lặp lại nhiều lần, khi trẻ yêu cầu giáo viên đọc lại, giáo viên nên đáp ứng ngay yêu cầu của trẻ.

d) Đối với trẻ mẫu giáo

- * Đối với trẻ chậm phát triển ngôn ngữ, giáo viên cần phải nhạy cảm với các nhu cầu của trẻ, có sự linh hoạt, kiên trì và bình tĩnh. Thủ thuật giao

tiếp đối với trẻ khác nhau thì cũng khác nhau. Một số trẻ có thể nhờ cô lấy hộ những vật mà chúng thích bằng cách động vào người cô giáo, một số trẻ khác lại bằng cách chỉ hoặc nhìn vào vật đó.

Giáo viên cần dành thời gian để chơi và hoạt động với cá nhân trẻ hoặc tham gia vào các hoạt động theo nhóm. Trẻ thường cảm thấy thất vọng khi chúng không hiểu và cần sự thông cảm, giúp đỡ.

- Khi giao tiếp với trẻ cần chú ý:
 - + Tạo giao tiếp bằng mắt với trẻ.
 - + Mỉm cười và nhìn thẳng vào trẻ.
 - + Không ngắt lời trẻ.
 - + Không thúc giục trẻ nói nhanh.
 - + Lắng nghe những gì trẻ nói.
 - + Sửa lỗi ngữ pháp cho trẻ bằng cách nhắc lại những câu của trẻ nhưng sửa lại cho đúng ngữ pháp. Ví dụ: "Bạn lấy bóng của con phải không?".
 - + Hỏi những câu hỏi mở, ví dụ như "Con đang làm gì thế?" thay cho những câu hỏi đóng với câu trả lời chỉ là một từ, chẳng hạn như "Con có thích nó không?".
 - + Nói rõ ràng và đúng. Nếu giáo viên thực sự không có đủ thời gian để nghe trẻ nói thì cần phải giải thích rõ cho trẻ biết, hẹn nghe trẻ nói vào một lúc khác và phải làm đúng như vậy.
- Trẻ em chậm ngôn ngữ thường được đưa đến các bác sĩ chuyên khoa chữa trị về tật nói. Trong một vài trường hợp, giáo viên mầm non cần thực hiện một chương trình riêng cho trẻ nhằm hỗ trợ và giúp đỡ trẻ.
- * Đối với trẻ nói lắp:
 - Điều này thường xảy ra khi trẻ suy nghĩ nhanh hơn nói hoặc trẻ sợ rằng trẻ khác sẽ ngắt lời chúng. Hầu hết trẻ em lớn lên sẽ khỏi nói lắp, nhưng với một số trẻ thì nói lắp lại trở thành tật của trẻ.
 - Giáo viên có thể giúp trẻ bằng cách cho trẻ thấy rằng họ đang chú ý nghe trẻ nói. Có thể làm điều này thông qua việc giao tiếp bằng mắt, ngồi xuống và mỉm cười với trẻ, không nên ngắt lời của trẻ. Mục đích là để trẻ bình tĩnh và nói chậm lại.
 - Trẻ em gặp khó khăn về ngôn ngữ kéo dài cần được đưa đến các bác sĩ chuyên khoa chữa trị về tật nói.

* Đối với trẻ chậm nói:

Sự phát triển ngôn ngữ có một mối quan hệ đặc biệt với sự phát triển chung của trẻ. Trẻ cần ngôn ngữ để giao tiếp với nhau, để thể hiện nhu cầu và phát triển tư duy. Nếu chậm phát triển ngôn ngữ, trẻ sẽ gặp khó khăn trong ứng xử. Một số khó khăn trong ứng xử thông thường có liên quan đến sự chậm ngôn ngữ của trẻ là hiện tượng hay khóc và khó giao tiếp với các bạn bằng tuổi.

Để phát triển khả năng nói của trẻ, bạn cần:

- Dành nhiều thời gian trò chuyện với trẻ, thậm chí ngay cả khi trẻ còn ở tuổi ẵm ngửa. Bạn có thể nói, hát hoặc khuyến khích trẻ bắt chước theo những âm thanh hoặc cử chỉ của mình.
- Đọc cho trẻ nghe ngay khi trẻ được 6 tháng tuổi. Bạn không cần phải đọc toàn bộ quyển sách. Hãy chọn những quyển truyện tranh. Điều đó sẽ cuốn hút trẻ nhìn vào sách khi bạn đọc. Khi trẻ lớn hơn, hãy khuyến khích trẻ chỉ ra những bức tranh mà trẻ có thể nhớ và cố gắng gọi tên chúng.
- Sử dụng các tình huống hàng ngày để khuyến khích trẻ phát triển khả năng nói và ngôn ngữ. Ví dụ, bạn có thể gọi tên các loại thức ăn trong bữa ăn; giải thích cho trẻ bạn đang làm gì; gọi tên các đồ vật xung quanh. Hãy đặt cho trẻ những câu hỏi đơn giản và khuyến khích trẻ trả lời (ngay cả khi trẻ cũng chưa hiểu được mấy).
- Trẻ chỉ nói tốt khi trẻ được “tắm” trong môi trường ngôn ngữ của những người thân. Vì vậy, hãy trò chuyện với trẻ, nhất là trong những thời điểm cùng sinh hoạt. Trẻ có cơ hội học nói nhanh, hiểu biết và mạnh dạn. Hãy nói với trẻ tất cả những gì liên quan đang xảy ra xung quanh. (Ví dụ: Mẹ cho con bú, ăn cơm, mẹ tắm cho con, mẹ ru con ngủ...)
- Trẻ chỉ mau nói khi trẻ vui thích và yên tâm. Hãy vui đùa với trẻ mỗi khi chơi cùng. Không nên đem nỗi lo lắng, căng thẳng và buồn rầu trong công việc của người lớn vào thời điểm chăm sóc trẻ. Vì như thế lúc đó, chúng ta khó nhận thấy yêu cầu cũng như khả năng của trẻ để có thể đáp ứng và kích thích trẻ tiếp tục duy trì giao tiếp giữa trẻ và chúng ta.
- Ngôn ngữ được hình thành qua một quá trình giống như xây nhà cần có nền móng. Đầu tiên là khả năng chú ý. Tiếp theo là những khả năng tiền ngôn ngữ quan trọng khác (bắt chước, chơi luân phiên và biết chọn lựa). Kế đến là trẻ phải biết chỉ ngón trỏ điều trẻ muốn hoặc thích, biết chơi theo tuổi, hiểu và biết làm theo lệnh đơn giản. Quá trình ngôn ngữ của trẻ sẽ hoàn thành nếu trẻ luôn được khen ngợi khích lệ.

- Cần kiên nhẫn, biết kết hợp việc sử dụng những kĩ năng trên khi chơi đùa, đọc sách, kể chuyện, múa hát cùng trẻ. Hình ảnh và âm thanh rất quan trọng để hấp dẫn trẻ mau nói (múa hát cùng trẻ, cùng chơi với trẻ, nhất là những trò chơi bằng cơ thể: xích đu tiên, chi chi chành chành, làm “ngựa” cho trẻ cưỡi...).
- Giao tiếp bằng “ngôn ngữ cơ thể” càng nhiều càng tốt: Ví dụ trẻ muốn ăn hay bú, bạn hãy khích lệ trẻ bằng 2 cách: nhìn vào mắt và hỏi trẻ “Con/Cháu muốn ăn phải không?”. Hãy chờ đợi để tạo cơ hội khi trẻ có thể nói, phát ra bất cứ một âm thanh nào hoặc có một cử điệu nào để đáp lại câu hỏi, rồi khích lệ trẻ bằng lời, bằng cử chỉ yêu thương nào đó.
- Cần thúc đẩy cho quá trình học nói của trẻ phù hợp với lứa tuổi và không nên chờ đợi quá trình ngôn ngữ của trẻ sẽ phát triển tự nhiên. Bởi lẽ não của trẻ phát triển nhanh nhất là ở giai đoạn trước 3 tuổi, sau đó chậm hơn từ 3 – 6 tuổi. Sau 6 tuổi, các can thiệp tập nói sẽ có kết quả hạn chế nhất định.

Dù trẻ ở độ tuổi nào thì việc nhận biết và điều trị kịp thời là cách tốt nhất cho khả năng chậm nói của trẻ. Cùng với những phương pháp hợp lí, bạn sẽ giúp trẻ giao tiếp với mình và thế giới bên ngoài tốt hơn.

4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội

- Trong quá trình chăm sóc giáo dục trẻ, giáo viên cần chú ý quan sát để có thể phát hiện những trẻ có dấu hiệu biểu hiện không bình thường về phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội. Ví dụ: trẻ thể hiện sự sợ hãi, rụt rè quá mức, thể hiện hành vi chống đối, gây gổ quá mức, né tránh hoặc hờ hững với những trẻ khác và người lớn, không thể hiện tình cảm khi cần, hiếm khi chơi trò chơi bắt chước (đồng vai). Nếu thấy trẻ có những biểu hiện trên, giáo viên cần trao đổi với bố mẹ trẻ, hoặc tìm sự trợ giúp của các nhà chuyên môn (nếu cần).
- Một số lưu ý:
 - Những trẻ khuyết tật thường tự ti, khó giao tiếp với những trẻ khác. Để giúp những trẻ này tạo lập được mối quan hệ với các bạn trong lớp, giáo viên cần:
 - + Tạo cho trẻ cảm giác thoải mái về bản thân bằng cách chơi với trẻ và khen ngợi trẻ khi chúng thể hiện những kĩ năng xã hội mà hấp dẫn được những trẻ khác, ví dụ: đợi đến lượt khi chơi trò chơi hoặc chuyển đồ chơi cho bạn.

- + Giáo viên phải là người trung gian lôi cuốn trẻ vào các hoạt động với những trẻ khác. Lúc đầu, có thể cho trẻ chơi trong một trò chơi có 3 hay 4 trẻ chơi, dần dần đưa trẻ vào trò chơi có đông trẻ hơn.
- + Dạy trẻ cách làm theo sự chỉ dẫn của những trẻ khác để tham gia trò chơi của chúng.
- + Khuyến khích các trẻ trong lớp chơi, chia sẻ với trẻ khuyết tật và giúp đỡ bạn trong các hoạt động.
- + Giáo dục trẻ không được bắt chước, nhại các khuyết tật của trẻ khuyết tật. Không gọi tên trẻ kèm theo khuyết tật của chúng.
- + Tạo các tình huống để các trẻ trong lớp trải nghiệm những khó khăn của trẻ khuyết tật để các cháu có thể đồng cảm với bạn khuyết tật.
- + Thể hiện sự bình đẳng trong mối quan hệ với các trẻ bình thường và những trẻ khuyết tật. Giáo viên không nên đề gợi ra một ý nghĩ nào về sự thương cảm bởi trẻ khuyết tật thường mong muốn được đối xử công bằng chứ không phải lòng thương hại.
- + Quan sát nhằm phát hiện những trẻ gặp khó khăn trong phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội để có kế hoạch giúp đỡ kịp thời.
- + Đối với trẻ tự kỉ: Đồ chơi thích hợp cho trẻ tự kỉ có hai chức năng, vừa mang lại niềm vui, vừa hỗ trợ quá trình phát triển những kĩ năng quan trọng. Trẻ tự kỉ thường cần hỗ trợ nhiều để học những kĩ năng mà các bạn cùng tuổi khác có thể học được mà không gặp khó khăn nào. Thời gian vui chơi có thể là cơ hội để luyện thêm các kĩ năng ấy trong tình thế thư giãn, tách rời mọi áp lực của môi trường học hỏi chính thức. Tuy nhiên, không phải đồ chơi nào cũng được chọn là có mục đích giáo dục. Mỗi trẻ cần những đồ chơi khác nhau để vui, để thấy được võ vè.
- + Đối với trẻ có biểu hiện rối loạn về cảm xúc hoặc hành vi, giáo viên có thể:
 - Hãy thật sự thương yêu trẻ.
 - Quan tâm tới trẻ nhưng đừng để cho trẻ biết là cô quan tâm.
 - Hãy tìm hiểu xem trẻ thích và có khả năng, nhu cầu gì. Nếu trẻ thích vẽ, cô nên tạo điều kiện cho trẻ vẽ.
 - Dọn dẹp và bố trí phòng, lớp gọn gàng, tránh cho trẻ những kích thích không cần thiết.
 - Thực hiện các bài tập với trẻ theo từng bước nhỏ, nhắc đi nhắc lại đến khi nào trẻ tự làm được thì mới chuyển sang bài tập khác.

- Cho trẻ nhận biết mình (tên, bộ phận cơ thể, biết làm gì, thích gì). Nhận biết các bạn xung quanh qua trò chơi Ai hát đây? Ai biến mất...
- Nếu trẻ không nói được, cô nên cố gắng dùng cử chỉ điệu bộ để giao tiếp với trẻ.

5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ

Trong lớp có trẻ khuyết tật học hoà nhập, giáo viên cần tìm hiểu mức độ khuyết tật và khả năng của trẻ về múa hát, vẽ, nặn, xé dán, gấp giấy... để tổ chức thực hiện các hoạt động cho phù hợp với các mức khuyết tật của trẻ. Ví dụ:

- * Đối với trẻ khiếm thính:
 - Kiểm tra, điều chỉnh máy trợ thính của trẻ (nếu có) để sao cho trẻ có thể nghe rõ. Giảm bớt tiếng ồn khi trẻ học.
 - Cho trẻ ngồi học ở vị trí mà cô thể nghe và nhìn thấy cô giáo rõ nhất.
 - Trước khi bắt đầu một hoạt động nào đó, giáo viên lời cuốn sự chú ý của trẻ bằng cách rung chuông, gõ vào bàn... sau đó mới nêu các yêu cầu, nội dung cần thực hiện...
 - Nói rõ ràng, kết hợp các cử chỉ, điệu bộ của nét mặt, chân tay... và nhắc những trẻ bình thường nói to, chậm và rõ khi trả lời câu hỏi của cô giáo.
 - Yêu cầu trẻ khiếm thính giơ tay làm hiệu khi trẻ không hiểu cách làm, không hiểu câu hỏi của cô...
 - Sử dụng các dụng cụ trực quan, như tranh ảnh, đồ vật cho trẻ quan sát.
 - Hướng dẫn trẻ học trong giờ âm nhạc bằng cách: Đọc (hát) cùng trẻ, vừa đọc (hát) vừa sử dụng các dụng cụ âm nhạc hoặc vỗ nhẹ vào tay, lên đùi trẻ.
- * Đối với trẻ khiếm thị:
 - Cho trẻ tham gia cùng cả lớp các hoạt động như: hát, vận động theo nhạc... Giáo viên đưa ra các yêu cầu, chỉ dẫn rõ, ngắn gọn. Ví dụ: yêu cầu trẻ mô tả, nêu tên các sự việc, các hoạt động của các bạn trong lớp.
 - Bố trí lớp học, ánh sáng và chỗ ngồi để trẻ khiếm thị nhìn rõ nhất. Cho trẻ sờ mó, ngửi... để nhận biết vị trí của các bạn, các đồ vật cơ bản trong lớp, các đồ vật làm mẫu.
 - Giáo viên nên bắt đầu các hoạt động với trẻ với một số lượng rất ít các đồ vật, dụng cụ, sau đó mới từ từ đưa thêm các đồ vật, dụng cụ khác vào.
 - Giáo viên giới thiệu và cho trẻ làm quen, nhận biết các đồ vật. Ví dụ: cầm tay để trẻ định vị bức tranh, chỗ để các đồ vật.

- Khuyến khích trẻ sử dụng tối đa các giác quan của mình trong các hoạt động nhận biết. Dạy trẻ tô màu: trước hết cho trẻ sờ để nhận biết kích thước, đường viền của tờ giấy cần tô màu, sau đó đưa bút cho trẻ cầm, cầm tay hướng dẫn trẻ tô từ đầu đến đầu – từ mép viền này đến mép viền kia, tô liên tục từ trên cho đến dưới... Có thể khuyến khích trẻ sờ (ngửi) để phân biệt chỗ đã tô có gì khác so với chỗ chưa tô...
- Trẻ khiếm thị sẽ gặp nhiều khó khăn với hoạt động chấp ghép, vì vậy, giáo viên cần quan tâm: Mô tả thật cụ thể các đồ vật, cho trẻ cầm, sờ mó và cầm tay giúp trẻ làm 1, 2 lần động tác cần thực hiện.

ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG 3

1. Bạn hãy phân tích môi trường và tổ chức môi trường thuận lợi cho giáo dục hòa nhập.
2. Dựa vào các gợi ý tổ chức hoạt động giáo dục hòa nhập, bạn hãy thiết kế một số hoạt động giáo dục hòa nhập cho từng đối tượng trẻ khuyết tật.



D. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ TOÀN BỘ MODULE

1. Thực tế dạy trẻ ở trường mầm non, bạn đã từng tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ trong lớp có trẻ khuyết tật học hòa nhập chưa? Nếu có thì việc tổ chức các hoạt động giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mà bạn đã tổ chức có gì khác so với các nội dung đã trình bày trong module?
2. Sau khi nghiên cứu module này, bạn đã tự tin để tiến hành giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật trong trường mầm non chưa?



E. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo đánh giá giữa kỳ dự án "Mở rộng hỗ trợ cộng đồng cho trẻ khuyết tật (2000), Dự án do tổ chức Cứu trợ và Phát triển (CRS) Hoa Kỳ tài trợ.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non*, Tập 1 và tập 2, Hà Nội, 2005.
3. Trần Thị Thiệp – Bùi Thị Lâm – Hoàng Thị Nho – Trần Minh Thành, *Can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật*, NXB Giáo dục, 2006.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình Giáo dục mầm non*, NXB Giáo dục, 2009.

5. Lê Văn Tạc, *Đánh giá kết quả giáo dục trẻ khuyết tật học hoà nhập*, Tạp chí Giáo dục số 60, trg 36– 38, 2003.
6. Viện Khoa học Giáo dục, *Giáo dục hoà nhập cho trẻ khuyết tật*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2000.
7. Báo cáo đánh giá chương trình do Radda Barnen tài trợ 1991 – 1995, *Giáo dục hoà nhập ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
8. Nguyễn Đức Minh – Phạm Minh Mục – Lê Văn Tạc, *Giáo dục trẻ khuyết tật Việt Nam: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Giáo dục, 2006.
9. *Hiểu và đáp ứng nhu cầu đặc biệt trong lớp hoà nhập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục mầm non nhà trẻ, mẫu giáo bé, mẫu giáo nhỡ, mẫu giáo lớn (4 quyển)*, NXB Giáo dục, 2007.
11. Trần Thị Ngọc Trâm (Chủ biên), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non*, 4 cuốn cho 4 độ tuổi, NXB Giáo dục Việt Nam, 2009.
12. Lê Văn Tạc, *Phương pháp nâng cao khả năng giao tiếp cho trẻ khiếm thính tuổi mẫu giáo và tiểu học trong môi trường giáo dục hoà nhập*, Báo cáo tổng kết đề tài NCKH–CN cấp bộ, mã số B 98–49–62, 2001.
13. Trần Ngọc Giao – Lê Văn Tạc (Đồng Chủ biên) – Nguyễn Xuân Hải – Lê Thị Thúy Hằng – Phạm Minh Mục – Trần Thị Thiệp – Nguyễn Thị Hoàng Yến, *Quản lý giáo dục hòa nhập*, NXB Phụ nữ, 2010.